

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 16

Phẩm thứ mười hai: HIỀN THỦ

A- Ý ĐƯA RA: Nói đến hạnh không thiết lập hư rộng thì chắc chắn phát sinh đức của hạnh, hiểu biết và thực hành (giải-hạnh) đã trọn vẹn tuyệt diệu thì chắc chắn là đức thù thắng khó nghĩ bàn. Thu nhận Hạnh-Nguyện trước đây thành tựu Dụng của Tín-Giải, cho nên tiếp theo đưa ra. Lại trước đây Trí Thủ nêu ra quả để chứng minh về nhân, Văn Thù mở rộng hiển bày về nhân ấy-tóm lược nêu ra quả ấy, nói là đạt được tất cả công đức thù thắng vi diệu, cho nên hỏi Hiền Thủ khiến cho mở rộng nói về điều này, vì vậy dùng kệ bắt đầu tiếp theo phần trước để sinh khởi phần sau.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Nghĩa là Thể tánh rất thuận với điều phục khéo léo gọi là Hiền, đức hạnh thù thắng tốt lành siêu tuyệt gọi là Thủ, tức là dùng tên gọi của Bồ-tát này để thuyết giảng về pháp này, Hiền tức là Thủ. Phẩm Hiền Thủ, bởi vì bắt đầu phần vị Hiền ấy thâm nhiếp các đức, cho nên chỉ nêu ra tên gọi của Hiền.

C- TÔNG THỨ: Ở trong Tín môn thành tựu đức thuộc hạnh Phổ Hiền mà trang nghiêm tự tại, Đại Dụng không có giới hạn mà kiến lập chúng sinh, nối thông từ đầu đến cuối bao gồm thâm nhiếp các phần vị, lấy làm Tông của phẩm này; khiến cho phát khởi Tín Hạnh viên dung thành tựu Đức Dụng của phần vị, mà làm ý thú.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Văn có ba phần: Một: Văn Thù phát khởi; Hai: Hiền Thủ mở rộng thuyết giảng; Ba: Mười phương hiện rõ để chứng minh.

Nay phần một: Văn Thù phát khởi, phần hai: 1- Người kết tập kinh pháp tự thuật; 2- Chính thức trình bày về phát khởi. Hai đoạn đều có kết thúc phần trước-sinh khởi phần sau.

Nay đoạn 1: Trước là kết luận về pháp đã nói trước đây, thuận nghịch đều thuận theo mà khách trần không thể nào làm cho tâm ấy cấu trước, Bi-Trí cùng đan xen mà vạn cảnh không thể nào làm cho suy nghĩ ấy hỗn loạn, thì gọi là hạnh thanh tịnh. Đại công đức, tức là quả đã thành tựu trước đây. Sau từ “Dục hiển thị...” trở xuống là sinh khởi phần sau, văn hàm chứa từ đầu đến cuối. Dựa theo cuối cùng thì hiển bày rõ ràng về Tín đầy đủ công đức thù thắng của tâm Bồ-đề, bởi vì rộng rãi đầy đủ tất cả nhân hạnh của năm phần vị; dựa theo bắt đầu thì chỉ ở trong sinh tử thế chứng Bồ-đề, vốn là nơi nương tựa của vạn đức.

Đoạn 2: Hiển bày rõ ràng về hai kệ trong phần chính thức phát khởi: Nửa kệ trước là kết thúc phần trước, văn kệ giới hạn cho nên lược qua không nói đến đức đã thành tựu; nửa kệ sau là khuyến khích thuyết giảng, để cho thuyết giảng về đức của tu hành, thì văn có phỏng theo tóm lược cùng với trường hàng.

Phần hai: Từ “Nhĩ thời Hiền Thủ...” trở xuống là Hiền Thủ mở rộng thuyết giảng, trong đó: Đầu là tổng quát nêu ra, dùng kệ giải đáp thì ở đây tóm lược có hai: a- Ít chữ mà thâm nhiếp nhiều nghĩa; b- Lời hay để ca ngợi thuyết giảng khiến cho phát sinh niềm tin thanh tịnh, bởi vì đức bắt đầu bao gồm cuối cùng mà thuyết giảng tản mác khó hết, cho nên hiển bày về công đức thù thắng vi diệu này. Sau là chính thức hiển bày về lời kệ, có ba trăm năm mươi chín kệ rưỡi, toàn bộ phân làm ba phần: 1- Có bốn kệ, nói về phần khiêm nhường ca ngợi nhận lời thuyết giảng; 2- Có ba trăm bốn mươi sáu kệ rưỡi, là phần chính thức thuyết giảng về công đức thù thắng; 3- Có chín kệ, nói về phần so sánh để khuyến khích duy trì.

Trong phần 1 phần hai: Đầu là một kệ tổng quát trình bày, nửa kệ trước là khen ngợi thưa hỏi khuyến khích lắng nghe, nửa kệ sau là khiêm nhường mà nói phần ít của mình, Dụ về biển theo thứ tự về sau là trình bày. Sau là ba kệ tách ra Chương mục, dùng đức của phát tâm để so sánh nêu ra tu hành mà khéo léo hiển bày về sâu rộng, trong đó: Kệ đầu là nêu ra Chương mục nói về phát tâm. Kệ tiếp là so sánh nêu ra Chương mục nói về tu hành, đức của Sơ tâm mong mỗi chứng được pháp ấy đã không thể suy lường, hướng hồ trải qua thời gian dài tiến vào phần vị tu tập tất cả, cho nên nhiều Đức Phật không thể nào thuyết giảng hết được. Kệ sau là nhận lời thuyết giảng về phạm vi giới hạn: Nửa kệ trước là Pháp thuyết, như vậy là cùng chỉ ra phát tâm tu hành, văn sau hiển bày đầy đủ mà văn trước cùng thưa hỏi; nửa kệ sau là Dụ trình bày. Nhưng có hai ý: 1- Dụ rõ ràng về phần ít, nghĩa là đức

của hạnh phát tâm thì như bầu trời bao la và mặt đất rộng lớn, pháp đã thuyết giảng thì nhỏ bé như một mảy bụi dính ở bước chân. 2- Dù kín đáo về không khác nhau, nghĩa là hư không nơi dấu chân chim không khác gì bầu trời bao la, mảy bụi nhỏ bé vô cùng không khác với mặt đất rộng lớn. Vì vậy ở đây tóm lược thuyết giảng về nghĩa mà tất cả đều đầy đủ, cho nên hoặc là mở rộng hay là tóm lược đều vô biên. Trong phẩm Xuất Hiện nói: Như chim bay giữa hư không trải qua trăm năm, nơi đã trải qua và nơi chưa trải qua, đều không thể nào lường tính. Tại sao như vậy? Bởi vì hư không vốn không có giới hạn... Phẩm ấy dựa vào hạnh thuộc về quả, phẩm này dựa vào đức thuộc về nhân. Nhưng đức của hạnh Phổ Hiền giống như quả của Phật, vì thế cho nên đều dùng hư không để làm lượng.

Trong văn trước-sau đều nói giống như ở đây. Sơ phát tâm ở phẩm này, cùng với Sơ phát tâm Trú trong phẩm Thập Trú ở văn sau, và phẩm Phát Tâm Công Đức, mỗi phẩm sai khác thế nào? Phát tâm trong phẩm này bao gồm trước-sau, chọn lấy đức thành tựu ấy chính là cuối cùng của Tín, chọn lấy điều ấy làm căn bản chính là thuộc về Sơ phát, tuy như mảy lông mà công đức thuộc về nơi chứa đựng ban đầu. Sơ phát tâm trong phẩm Thập Trú, tức là cuối cùng ở phẩm này, thành tựu Sơ phát tâm ở phẩm ấy; cuối cùng ở phẩm này là chủ động phát khởi, ở phẩm ấy là thụ động phát khởi; ở phẩm này chính là Phát của phát khởi, nghĩa bao gồm Khai phát; ở phẩm ấy là Phát của Khai phát, nghĩa bao gồm Phát khởi. Sơ phát tâm ở phẩm Phát Tâm Công Đức, là chính thức hiển bày về công đức của Sơ tâm thuộc về Thập Trú mà thôi. Vì vậy xét kỹ để phân biệt thì không phải là không có khác nhau, cho nên trong kinh Anh Lạc nói: “Phát tâm Trú, là người bắt đầu từ có đủ ràng buộc (Cụ phược) chưa biết đến Tam Bảo, thậm chí ở trong giáo pháp của Phật Bồ-tát, khởi lên một niềm tin tưởng liền phát tâm Bồ-đề.” Đã nói bắt đầu từ sự phát tâm lúc đầu của phàm phu, thì biết rõ ràng phát tâm trong phẩm này bao gồm trước-sau.

Hỏi: Ở đây đã là bắt đầu, sao có thể lại đầy đủ các hạnh-vị sau và đức của Phổ Hiền? Cổ đức giải thích điều này tóm lược có hai môn: 1- Hành bố thứ đệ môn, nghĩa là từ nhỏ bé đến rõ ràng, từ nông cạn đến sâu xa, thứ tự nương theo nhau để bước lên bờ giải thoát (Bỉ nạn), nói như kinh Anh Lạc-Nhân Vương-luận Khởi Tín-Du Già... 2- Viên dung thông nhiếp môn, nghĩa là một phần vị đã có đủ tất cả các phần vị..., như kinh này đã nói, cũng như một hạnh đầy đủ tất cả các hạnh trong kinh Đại Phẩm...

Trong này có hai môn: 1- Duyên khởi tương do môn; 2- Pháp giới dung nhiếp môn.

Trong môn 1 là Duyên khởi tương do môn, thu nhận toàn bộ tất cả các phần vị trước-sau, biến hạnh vô biên cùng một duyên khởi, là đức thuộc về hạnh Phổ Hiền. Bởi vì các duyên hướng về với nhau, tóm lược có hai nghĩa: Một là dựa theo Dụng, bởi vì đối đãi với nhau mà có nghĩa về có Lực-không có Lực, vì thế cho nên có thể thu nhận nhau và hòa vào nhau; hai là dựa theo Thể, bởi vì làm ra lẫn nhau mà có nghĩa về có Thể-không có Thể, vì thế cho nên có thể ngay trong nhau và hòa vào nhau. Trong kinh này dựa vào nghĩa này, cho nên hạnh-vị thu nhận nhau, tổng quát có bốn cách nói: 1- Hoặc là trước có đủ sau, như trong môn này, đầy đủ tất cả các hạnh-vị, chính là biến đức của Phổ Hiền. 2- Hoặc là sau có đủ trước, đều thuộc về sau phần vị Thập Địa, nói như phẩm Thập Định-Thập Thông... ở văn sau. 3- Hoặc là các phần vị đều thu nhận, đều thuộc về Thập Trú..., trong mỗi một phần vị đều thu nhận tất cả các phần vị, đều đến cứu cánh, nói như phẩm Thập Trú-Thập Hạnh... ở văn sau. 4- Hoặc là các phần vị đều phai mờ mà hạnh đức hiển bày rõ ràng, nói như phẩm Ly Thế Gian.

Trong môn 2 là Pháp giới dung nhiếp môn, nghĩa là các phần vị này và hạnh đã tu tập, đều không lìa xa pháp giới vô tận của Phổ Hiền, nhưng pháp giới này viên dung vô hạn, tùy theo một phần vị đã có đủ tất cả các phần vị, nay ở Tín môn thu nhận tất cả đều đầy đủ. Trong các phần vị sau đều có đủ tất cả, đều dựa theo đây mà giải thích.

Hỏi: Phẩm Phát Tâm sau này, cũng nói Sơ tâm đầy đủ vô biên đức, cùng với phẩm này có gì khác nhau? Đáp: Phẩm này dựa vào Tín môn mà đầy đủ là đầu tiên của hạnh, phẩm ấy dựa theo đầy đủ tâm Bồ-đề là căn bản của hạnh.

Hỏi: Dựa theo pháp thu nhận nhau thì quy phạm có thể như vậy, dựa theo người tu hành thì lẽ nào mười ngàn kiếp tu Tín mới đầy đủ, liền đạt được biến đức vô biên như vậy hay sao? Đáp: Bởi vì pháp là viên dung cho nên pháp đầy đủ đức, nếu các Bồ-tát thực hành pháp hành này, thì do pháp ấy mà thu nhận, hoặc là vô lượng kiếp, hoặc là không có giới hạn nhất định. Nói mười ngàn kiếp không phải là ở đây đã nói đến, như Đồng tử Thiện Tài và Thiên tử cõi Đâu-suất... đã thực hành-đã đạt được ở văn sau, đều là những người tu hành không giống nhau, trong giáo thực hành trải qua theo thứ tự (Hành bố thứ đệ) đã nói. Lại mười ngàn kiếp chính là một lần trải qua, kinh Anh Lạc chỉ nói một kiếp-hai kiếp, kinh này cho dù có thực hành trải qua (Hành bố) mà cũng

đều là viên dung, cũng có dẫn ra điều này. Chứng minh thành tựu ở văn sau, thì Tín này chính là rời bỏ tánh Dị sinh, thành tựu tánh Thánh ra khỏi nơi chốn Vô minh, sinh vào nhà của Như Lai, bởi vì có phép tắc được Quán Đảnh mà bước lên ngôi vị..., vốn không phải là Tín. Nếu như vậy thì Địa thứ nhất lẽ nào được Quán Đảnh mà bước lên ngôi vị... hay sao? Nếu nói lần lượt chuyển tiếp tiến vào Phật Địa, thì vì sao không có thể bắt đầu từ phần vị Tín lần lượt chuyển tiếp mà tiến vào? Nếu thừa nhận từ phần vị Tín lần lượt chuyển tiếp mà tiến vào, thì vì sao cần phải phân định phần vị này chính là rời bỏ phàm tiến vào Thánh? Văn sau tự nhiên có Hội của Thập Địa, trong này hãy còn cách xa Trú-Hạnh-Hồi Hương..., phân định là tiến vào Địa, chính là bàn luận lỗ mãng vậy thôi. Sau trong phẩm Phát Tâm, cũng phân định là phát tâm của Địa thứ nhất, nghĩa giống như Hội này.

Hỏi: Văn sau nói chịu khó tu học trải qua vô lượng ức kiếp, đạt được trí Vô thượng Bồ-đề này, vậy thì không phải một đời, cũng không phải mười ngàn kiếp, mà là vô lượng. Giải thích thông suốt về chất vấn này thì cần phải có hai nghĩa: 1- Ở đây dựa theo nghĩa về thực hành trải qua lần lượt chuyển tiếp; 2- Dựa theo nghĩa về viên dung mở rộng và rút gọn vô ngại, như trước đã phân rõ. Thiệt Tài gặp được vị Tiên nhân, nắm tay dẫn qua trú xứ của từng Đức Phật một, trải qua vô lượng kiếp, dài-ngắn khó nghĩ bàn, chỉ bởi vì điều này. Bồ-tát Hiền Thủ nói: “Tin vào Đại thừa thì hãy còn là dễ, có thể tin vào pháp này lại khó gấp bội, bởi vì Sơ tâm đã đầy đủ tất cả công đức, cho nên khó tin.”

Phần 2: Từ “Bồ-tát phát ý...” trở xuống là chính thức trình bày về công đức thù thắng của sự phát tâm tu hành, văn phân làm năm: Một: Có năm kệ nói về hành tướng của phát tâm; hai: Từ “Tín vi đạo nguyên...” trở xuống là tóm lược nêu ra công năng thù thắng; ba: Từ “Nhược thường tín phụng...” trở xuống là hạnh-vị đã đầy đủ; bốn: Từ “Hoặc hữu sát độ...” trở xuống là Đại Dụng không có giới hạn; năm: Từ “Nhất thiết Như Lai...” trở xuống là ví dụ so sánh về ý nghĩa sâu xa. Nhưng năm đoạn này, một đoạn đầu là hiển bày về chính thức phát tâm, bốn đoạn sau là đức của phát tâm; đoạn ba cũng bao gồm tu hành, đoạn hai và đoạn bốn-đoạn năm đều là đức của tu hành.

Nay là đoạn một, trong hành tướng của phát tâm: Một kệ đầu là tổng quát nêu ra, vẫn còn lại là riêng biệt hiển bày. Luận Du Già nói về Bồ-tát Địa, trình bày về phát tâm có năm loại tướng: 1- Tự tánh; 2- Hành tướng; 3- Sở duyên; 4- Công đức; 5- Tối thắng.

Nay văn năm kệ đầy đủ năm loại: Phát ý, tức là Chánh nguyện

làm Tự tánh của phát tâm; mong cầu Bồ-đề và về sau làm lợi ích có ý nghĩa cho hữu tình, tức là Hành tướng; Bồ-đề, Tam Bảo và hữu tình đều là Sở duyên của phát tâm; có thể thâm nhiếp tất cả pháp phần Bồ-đề, là Công đức của phát tâm; không mong cầu năm Dục..., hiển bày ngược lại mong cầu của Bồ-tát là Tối thắng.

Nói đến nhân duyên, nghĩa là tự mình có thể phát khởi mong cầu Đại Bồ-đề gọi là Nhân, dựa vào đó giúp đỡ phát khởi là Duyên; Nhân tức là tự tánh trú vào lực huân tập bên trong của tánh, Duyên tức là do luyện tập mà trở thành tánh. Lại hai loại trên đều nhờ vào Thiện hữu và cảnh bên ngoài huân tập làm Duyên.

Luận Du Già nói: “Nhờ có bốn Nhân-bốn Duyên-bốn Lực mà Bồ-tát phát tâm. Bốn Nhân: 1- Chủng tánh đầy đủ; 2- Dựa vào Phật Bồ-tát và Thiện hữu thâm nhiếp tiếp nhận; 3- Phần nhiều phát khởi về tâm Bi; 4- Trải qua thời gian dài dốc sức nhanh nhạy chịu khó thực hành khổ hạnh, không có gì khiếm sợ. Bốn Duyên: 1- Thấy và nghe uy lực thần biến của Phật; 2- Nghe giáo pháp vi diệu; 3- Thấy giáo pháp sắp bị hủy diệt; 4- Thấy chúng sinh nhận chịu khổ đau donghiệp-phiền não. Bốn Lực: 1- Lực của chính mình; 2- Lực của người khác; 3- Lực của nhân, bởi vì vốn có luyện tập; 4- Lực của gia hạnh, nghĩa là tự mình cố gắng nghe pháp mà tu gia hạnh thiện đối với pháp hiện tại. Nếu đầy đủ Nhân-Duyên trên đây và hai Lực 1-3, thì nên biết là không lui sụt; nếu dựa vào hai Lực 2-4 thì tâm không kiên cố.” Nay kinh chính là Lực 1 và 3. Lại trong luận Khởi Tín-kinh Trí Ấn, có bảy nhân duyên, như kinh-luận ấy nên biết.

Sau trong phần riêng biệt hiển bày, dùng ba Nhân-bốn Duyên để thâm nhiếp các nghĩa trên. Ba Nhân, đó là Tín-Bi và Trí. Bốn Duyên, là Tam Bảo và chúng sinh. Nay trong văn: Nửa kệ sau tổng quát dùng Tín-Trí làm nhân duyên và Tam Bảo làm cảnh. Tín là đối với Thật đức có thể hết sức nén chịu đựng dục lạc, tâm thanh tịnh làm tánh, cho nên nói là Tín thanh tịnh. Như vậy, Thật gọi là tất cả Sự-Lý, Đức gọi là đức thanh tịnh của Tam Bảo, Năng gọi là đối với pháp thiện thế gian-xuất thế gian có năng lực của pháp ấy. Nay trong Pháp Bảo đã thâm nhiếp loại trước và loại sau, cũng trong Tam Bảo đều có đủ ba loại này, Thế Thật đầy đủ Đức, bởi vì Đại Dụng cứu giúp chúng sinh. Đại là tâm thuộc về Trí cầu Đại Bồ-đề, Quảng là tâm thuộc về Bi rộng cứu hàm thức, vượt qua tâm nhỏ bé hẹp hòi của Nhị thừa ấy.

Trong phần riêng biệt: Đầu là nửa kệ chọn bỏ thiên lệch giả tạo, nghĩa là thâm nhiếp lỗi lầm của quyền thuộc, mà vốn không thể nào

nhiễm trước.

Trong văn không cầu mong năm sự, bởi vì cầu mong tức là lỗi lầm: 1- Nếu cầu mong năm đục của trời-người, thì điều này có thể nuôi lớn nhiều Tham, là nhân của nạ quý. 2- Cầu mong ngôi vị Quốc vương nuôi lớn nhiều Sân, là nhân của địa ngục. 3- Cầu mong giàu có nuôi lớn nhiều Si, là nhân của súc sinh. Thật sự thì nối thông với ba đường, đều thuận theo phần nhiều mà nói. 4- Cầu mong niềm vui của mình, là nhân của Nhị thừa. 5- Cầu mong danh tiếng to lớn, nếu như tâm hơn-thua thì đó là nhân của Tu-la, nếu như tâm Ngã mạn thì đó là nhân của ngoại đạo. Lại dùng Lý cầu mong niềm vui là nhân của trời-người, làm vua thân nhiếp thuộc hạ là nhân của Ma-la, có tâm Nhị thừa thì gọi đó là thiên lệch, có những tâm khác thì gọi đó là giả tạo.

Sau là ba kệ rười thẳng thắn hiển bày về chân chánh, riêng biệt giải thích về nhân duyên, trong đó: Đầu là một kệ nói về nhân của Bi, sau là cứu giúp, bởi vì trang nghiêm quốc độ-cúng dường chư Phật cũng là điều phục chúng sinh, diệt khổ là Bi, lợi lạc là Từ. Tiếp là một kệ rười nói về Đại Trí, trước là cúng dường. Hai loại trên đây không hai, là chân chánh phát tâm. Sau là một kệ tổng quát kết luận về thành tựu Tín, bao gồm nhân hạnh của Tín, trong đó hướng về bốn Nhân-bốn Duyên trước đây, ý có thể hiểu được. Lại trước là thuận theo không cầu mong năm đục, sau chính là hiển bày về đức của Tín tâm, cho nên kinh Anh Lạc nói: “Tu tâm của Thập Tín cần phải đầy đủ mười đức.”

Nay văn đều đầy đủ nhưng không theo thứ tự mà thôi: 1- Gặp phải khổ đau thì có thể chịu đựng, tức là hiển bày ngược lại trước đây; 2- Trong chính thức hiển bày, hai câu đầu tức là Từ Bi sâu dày; 3- Câu tiếp và trang nghiêm quốc độ, tức là thiện căn tu tập, đó là thiện nghiệp Lợi tha và nhân của Tịnh độ; 4- Có ba chữ tức là cúng dường chư Phật; 5- Một câu thọ trì là chí cầu về pháp thù thắng; 6- Chứng được Bồ-đề tức là cầu Trí tuệ của Phật; 7- Một câu tức là tâm sâu xa bình đẳng; 8- Hai câu tiếp tức là thân cận Thiện hữu; 9- Hai câu tiếp tức là tâm luôn luôn nhu hòa, nghĩa là chí thành cúng dường mà nhu hòa khéo léo thuận theo giáo pháp của Phật; 10- Có hai câu tức là yêu thích Đại thừa. Mười đức đầy đủ rồi.

Lại mười đức này, tức là ý mong cầu Bồ-đề, sau kinh Hư Xá nói: “Muốn giáo hóa điều phục tất cả chúng sinh, tận cùng không sót lại gì cho nên phát tâm Bồ-đề...” Lại kệ cuối cùng: Câu đầu tức là Tự tánh trú trong Phật tánh, bởi vì tin tưởng Tâm-Phật và Chúng sinh không có gì sai biệt, mới là pháp chân thật, có thể gọi là niềm tin sâu sắc; câu tiếp

tức là dẫn ra Phật tánh; câu sau cuối tức là đến được tánh của quả. Lại vẫn có bốn Hoàng thế, ý có thể hiểu được.

Lại trước đây nói tâm sâu sắc tin hiểu luôn luôn thanh tịnh, thì cùng với Lý tương ứng mới gọi là tâm sâu sắc. Nếu xưa nhiễm ô mà nay thanh tịnh, thì thanh tịnh có bắt đầu, bắt đầu thì nhất định phải kết thúc, không phải là luôn luôn thanh tịnh. Tin tưởng phiền não tức là Bồ-đề, mới là luôn luôn thanh tịnh, bởi vì xứng với Bốn tánh mà phát tâm, xưa nay là Phật lại không có gì tiến thêm, như ở giữa hư không thì lui sụt đến nơi nào? Xót xa chúng sinh mê muội điều này, phát khởi Đồng Thể Đại Bi; thương tiếc xưa kia không biết, thể nguyện kỳ hạn sẽ chứng. Có Bi cho nên không vì Vô biên mà vắng lặng, có Trí cho nên không vì Hữu biên mà lay động, không lay động-không vắng lặng mà thẳng thắn tiến vào Trung Đạo, đó gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề.

Đoạn hai: từ “Tín vi đạo nguyên...” trở xuống có bảy kệ tóm lược nêu ra công năng thù thắng, trong đó: Đầu là một kệ tổng quát nêu ra; tiếp là năm kệ riêng biệt giải thích; sau là một kệ tổng quát kết luận.

Đầu là một kệ tổng quát nêu ra: Câu đầu lại nêu ra Đạo có hai nghĩa: 1- Quả, gọi là Bồ-đề Niết-bàn; 2- Nhân, gọi là Tam Hiền-Thập Thánh, nương theo một Đạo thẳng tắp. Nguyên cũng có hai nghĩa: 1- Nghĩa về nguồn gốc, vốn là nguồn gốc của Bồ-đề, nguồn gốc ấy giống như dòng nước cuộn cuộn bắt đầu từ ngọn nguồn; 2- Nghĩa về con đường, bắt đầu là tăng thêm pháp thiện, tức là công đức đầu tiên của một nhân. Hai nghĩa bao gồm nhân và quả. Mẫu có hai nghĩa, sinh trưởng và nuôi dạy. Ba câu sau là cùng giải thích về câu đầu, Trưởng Dưỡng tức là hai nghĩa về Mẫu, cũng là nghĩa về Đạo Nguyên. Tất cả pháp thiện và câu thứ hai, tức là công đức thuộc về nhân. Một câu thứ ba tức là công đức thuộc về quả. Vô thượng đạo, tức là Đại Bồ-đề, nhờ vào Tín nuôi lớn pháp thiện mà đạt được Bồ-đề này, nhờ vào Tín đoạn trừ nghi ngờ ra khỏi Ái mà chứng thành Niết-bàn; không tin thân-tâm và tri kiến của Như Lai, thì lẽ nào có thể mở bày rõ ràng về Bồ-đề Niết-bàn?

Tiếp từ “Tín vô cấu trược...” trở xuống là trong phần riêng biệt hiển bày có hai mươi câu (năm kệ), một câu phân rõ về một công năng thù thắng: 1- Tâm thanh tịnh làm tánh, cho nên có thể vượt qua cấu trược của Bất Tín; 2- Tín về lý cung kính tất cả, cho nên vượt qua kiêu mạn; 3- Tín chính là Tạng trong mười Tạng, Tín là bậc nhất trong bảy Thánh tài; 4- Tín mới tiếp nhận giữ lấy mà vâng theo thực hành; 5- Tín về tài sản như mộng ảo, cho nên không có gì tiếc luyến; 6- Trí Luận nói biển rộng Phật pháp thì Tín là có thể tiến vào; 7- Tăng thêm nhân của

Phước-Trí tăng thêm; 8- Đến được quả của hai trang nghiêm ; 9- Tín là đầu tiên trong năm Căn; 10- Tín là đầu tiên trong năm Lực; 11- Tín căn bản không có mê hoặc mới đoạn trừ gốc rễ của mê hoặc; 12- Nếu hưởng về những đức khác thì không gọi là Tín thanh tịnh; 13- Tín về cảnh vốn Không, cho nên không có gì đấm trước; 14- Người có Chánh Tín không sinh vào nơi có tám nạn; 15- Tất cả đều là Chánh Tín; 16- Chánh Tín về giải thoát; 17- Thành tựu căn bản không hủy hoại; 18- Làm căn bản của Bồ-đề; 19- Tăng thêm Trí thù thắng của Phật; 20- Đến cuối cùng được thấy Phật, nghĩa là Tín tự tâm mình thì Phật tự tâm mình xuất hiện, Tín chư Phật nơi khác thì chư Phật nơi khác hiện rõ trước mắt. Văn sau kinh nói: Tất cả chư Phật từ Tín tâm mà khởi lên.

Sau từ “Thị cố...” trở xuống là một kệ tổng quát kết luận về công năng thù thắng, trước là Pháp-sau là Dụ. Tín Lạc là Tín về tánh Tam Bảo, đã đối với các Độ phương tiện, cầu mong tu hành. Hai chữ Tín Lạc là ý chính của Bồ-tát, bởi vì hai pháp này có công năng đối với các hạnh, cho nên gọi là Thù thắng nhất; không phải là Phật thì không tin, cho nên nói là khó đạt được. Dụ về ngọc châu Như ý, sơ lược có năm nghĩa: 1- Nghĩa về thù thắng, bởi vì là vua trong Pháp Bảo; 2- Nghĩa về hiếm có, bởi vì không phải là Phật-Luân Vương thì người khác không ai có; 3- Nghĩa về thanh tịnh, bởi vì có thể lắng trong nước đục của Bất Tín; 4- Nghĩa về quý báu, bởi vì đưa ra vật báu như Hạnh-Vị... mà không thể hết; 5- Nghĩa về chứa đựng, bởi vì vật chứa đựng nhiều đức mà không có gì chướng ngại.

Đoạn ba: từ “Nhuộc thường tín phụng...” trở xuống có năm mươi kệ rưỡi, mở rộng trình bày về hạnh-vị đã đầy đủ trong Tín, nhưng có hai ý: a-Hành bố; b-Viên dung. Xưa dựa theo Viên dung cho nên gọi là trong Tín đã đầy đủ. Trong đó có ba: 1- Trình bày về Hạnh đã đầy đủ; 2- Phân rõ về Vị đã đầy đủ; 3- Kết luận ca ngợi về công đức.

Phần 1: Có tám kệ rưỡi, phân hai: Trước là năm kệ trình bày về Tín đối với Tam Bảo mà thành tựu các hạnh; sau là ba kệ rưỡi trình bày về Tín lần lượt chuyển tiếp mà thành tựu các hạnh.

Trong năm kệ trước: Đầu là ba kệ nói về Tín đối với Phật mà thành tựu hạnh: Hai câu đầu nêu ra Chương, trì giới ngăn chặn điều ác, tu học ở nơi thiện hạnh. Luận Du Già nói: “Đã phát tâm rồi, thuận theo bảy nơi (Xứ) mà tu học, cho nên gọi là Học xứ, đó là: 1- Nơi thuộc về Tự lợi; 2- Nơi thuộc về Lợi tha; 3- Nơi thuộc về nghĩa Chân thật; 4- Nơi thuộc về Uy lực; 5- Nơi thuộc về thành thực hữu tình; 6- Nơi thuộc về thành thực pháp của Tự Phật; 7- Nơi thuộc về Vô thượng Chánh đẳng

Bồ-đề.” Một kệ rưỡi tiếp theo là cùng hiển bày về hai đức, nếu không trì giới thì hãy còn không thể nào có được thân ghê lở của loài Dã can, huống là đối với Bồ-đề? Giới là tánh thanh tịnh ngăn chặn sai trái hư vọng, khai phát Bồ-đề, công đức nhân quả, đều dựa vào Học xứ mà phát sinh, cho nên nói là Địa. Một kệ sau là riêng biệt trình bày về thành tựu hạnh cúng dường, đó là Tài-Pháp cúng dường cho nên nói là Đại. Tiếp là một kệ nói về Tín đối với Pháp, sau là một kệ nói về Tín đối với Tăng, văn đều có thể biết. Sau có ba kệ rưỡi, thành tựu hạnh lần lượt chuyển tiếp, lần lượt chuyển tiếp dựa vào công năng trước đây quy về nơi Tín.

Phần 2: Từ “Nhược vi Phật pháp...” trở xuống có ba mươi chín kệ trình bày về các phần vị đã đầy đủ, trong đó thành tựu bốn phần vị sau, tức là bốn đoạn:

Một: Ba tụng đầu trình bày về phần vị Thập Trú, có sáu câu: Câu đầu nói về Trú Phát Tâm, câu tiếp nói về Trú Trì Địa và Trú Tu Hành, câu tiếp nói về Trú Sinh Quý, câu tiếp nói về Trú Phương Tiện Cụ Túc, câu tiếp nói về Trú Chánh Tâm, câu cuối nói về Tăng Thượng là Trú Bất Thối. Tâm Tối Thắng nói về ba Trú sau, dựa theo sau giải thích.

Hai: Từ “Nhược đắc tăng thượng...” trở xuống có hai kệ rưỡi trình bày về phần vị Thập Hạnh, Ba-la-mật là tên gọi chung của Thập Hạnh, Ma-ha-diễn là khác với hạnh của Nhị thừa: Hai Hạnh đầu là thu nhận như pháp cúng dường, là Hạnh Thuận Lý; hai Hạnh tiếp là thâm nhiếp niệm Phật-tâm không lay động và thường được thấy Phật, đều là Hạnh Định Tuệ, cho nên thuộc về sáu Hạnh sau, giải thích về tướng có thể biết.

Ba: Từ “Nhược thường đồ kiến...” trở xuống có ba kệ trình bày về phần vị Thập Hồi Hương, bao gồm hiển bày về ba loại Hồi hương, Thể của Phật thường trú là Hồi hương Bồ-đề, pháp vĩnh viễn không diệt là Hồi hương Thập tế, còn lại là Hồi hương Chúng sinh.

Bốn: Từ “Nhược đắc kiên cố...” trở xuống có ba mươi kệ rưỡi trình bày về Thập Địa:

1: Có nửa kệ nói về Địa thứ nhất, pháp sâu xa là Chân Như đã chứng, Ái Lạc là tên gọi khác của Cực Hỷ.

2: Có nửa kệ nói về Địa Ly Cấu, bởi vì lìa xa phạm giới là lỗi lầm hữu vi.

3: Có một kệ nói về lìa xa Mạn..., là hai Địa thứ ba-thứ tư. Bởi vì Địa thứ ba đối với Thiên không đấm trước, cho nên không có Mạn, lại bởi vì câu pháp không lời lỏng cũng gọi là lìa xa Mạn. Địa thứ tư đạt

được Đạo phẩm xuất thế gian, cho nên nói là không có Phóng dật, nhưng không rời bỏ thân nhiếp chúng sinh cho nên nói là đầy đủ hai Lợi.

4: Có một kệ trình bày về Địa thứ năm, đó là tuy đạt được pháp xuất thế mà vẫn ở trong sinh tử cho nên không có chán ngán, Chân-Tục trái ngược nhau khó hòa hợp mà có thể hòa hợp, Địa khác không hơn được cho nên nói là Dũng kiện vô năng thắng, đây là tên gọi của Địa Nan Thắng.

5: Có một kệ trình bày về Địa thứ sáu, Bi-Trí không trú vào, Bát-nhã hiện rõ trước mắt, nghĩa là thân thông thân nhiếp chúng sinh là hạnh Đại Bi, nhận biết hành của chúng sinh là mười hai duyên sinh, là hạnh Đại Trí.

6: Có hai kệ rưỡi trình bày về Địa thứ bảy, một kệ đầu là trình bày về Hạnh thù thắng trong Hữu, một kệ rưỡi sau là trình bày về Trí phương tiện trong Không, dựa theo giải thích có thể biết.

7: Từ “Nhược cụ tối thắng...” trở xuống có ba kệ trình bày về Địa thứ tám, tóm lược phân rõ về sáu nghĩa: Một: Đạo thù thắng, nghĩa là Đạo không có dụng công, cho nên nói là Dũng mãnh vô thượng. Hai: Lực thù thắng, nghĩa là lực của Trí phá tan ma quân. Ba: Dụng thù thắng, nghĩa là vượt lên trên cảnh của bốn ma, rời bỏ Phần đoạn cho nên không có ma Uẩn, không có Xả mạng cho nên không có ma Tử, Hoặc không hiện hành cho nên vượt lên trên ma Phiền não, hiểu rõ mười Lực của Phật cho nên vượt lên trên Thiên ma. Bốn: Phân vị thù thắng, Địa Bất Động cho nên nói là Bất thối. Năm: Hạnh thù thắng, nghĩa là đạt được Vô sinh nhẫn. Sáu: Nhân thù thắng, nghĩa là trong phân vị này thích hợp ở phân vị Đại thọ ký.

8: Có hai kệ trình bày về Địa thứ chín làm Đại Pháp Sư, tóm lược phân rõ về bốn nghĩa: Một: Chư Phật gia trì gọi là Phật hiện rõ trước mắt. Hai: Hiểu rõ ràng về pháp sâu xa bí mật của chư Phật. Ba: Chư Phật nhớ nghĩ tăng thêm Tuệ lực cho Pháp Sư. Bốn: Đức của Phật tự trang nghiêm vì chúng mà thuyết pháp.

9: Từ “Nhược dĩ Phật đức...” trở xuống có mười chín kệ trình bày về Địa thứ mười, phân năm mục:

Mục một: Có tám kệ nói về đức thù thắng của ba nghiệp: Đầu là năm kệ về thân nghiệp, trong đó ba kệ trước là trình bày về Thể Đức thù thắng của thân, hai kệ sau là trình bày về Đại Dụng của thân nghiệp; tiếp là một kệ trình bày về ngữ nghiệp thù thắng, thuyết pháp làm lợi ích cho chúng sinh; sau là hai kệ trình bày về ý nghiệp thù thắng, Trí làm pháp dẫn đường.

Mục hai: Từ “Nhược dĩ trí tuệ vi tiên...” trở xuống có bốn kệ trình bày về đức thù nhiếp chúng sinh thuộc ba Luân là công năng rộng lớn của ba nghiệp, đầu là một kệ nói về thân nghiệp, tiếp là một kệ nói về ngữ nghiệp, sau là hai kệ nói về ý nghiệp.

Mục ba: Từ “Nhược tri phiền não...” trở xuống có hai kệ phân rõ đạt được pháp kết luận về phần vị.

Mục bốn: Từ “Nhược đắc Thập Địa...” trở xuống có ba kệ trình bày về phần Tam-muội, phần Đại Tận, phần Thọ Vị, đều hiển bày có thể biết.

Mục năm: Từ “Nhược môn...” trở xuống có hai kệ trình bày về Đại Dụng khó suy lường, cũng là giải thích về sự việc của phần tên gọi, nghĩa là bởi vì vắng mây Trí của Đại pháp hàm chứa nước của các đức, có thể che phủ giống như hư không thô nặng. Lại từ “Nhược môn...” trở xuống có hai kệ, cũng là tiến vào Phật Địa.

Phần 3: Từ “Bồ-tát cần tu...” trở xuống là ba kệ kết luận ca ngợi về đức ấy, hai kệ đầu là Pháp thuyết, một kệ sau là Dụ so sánh.

Trong kệ trước là Hiền Thủ nói: Đầu là hai câu nói về Bi nguyện bên trong đầy đủ, nghĩa là Bồ-tát chịu khó tu tập..., là kết luận về nghĩa sau chữ Nhược trước đây; tất cả đều là quả, là kết luận về nghĩa sau chữ Tác trước đây. Bởi vì nếu có pháp kia thì có pháp này, chứ không phải là trước-sau đan xen dựa vào nhau, mà chỉ là trong phần vị căn bản của Tín có pháp này thì có pháp kia, cùng lúc có đầy đủ mà nói có trước-sau, cho nên Tín môn đầy đủ tương của tất cả các Hành-Vị; nhưng Hành tuy vô lượng, mà đều dùng Bi nguyện làm đầu, cho nên dựa vào đây để kết luận. Tiếp là hai câu trình bày về Bi nguyện này lợi ích cho chúng sinh không trống rỗng. Tiếp là một kệ kết luận về Hành-Vị đã đầy đủ trước đây: Câu đầu là nêu ra người-nêu rõ pháp, uy thần tức là nhờ vào Tín làm cho có thể đầy đủ; câu tiếp là kết luận về Trí có thể chứng được, Nhãn chứng Như Như cho nên vĩnh viễn thường còn; hai câu tiếp là kết luận về Đạo đã chứng được, mười thiện là nêu ra hành... của Địa thứ hai, chọn lấy Địa khác và Vị khác-Đạo khác, nghĩa là vật báu thù thắng như Giáo-Chứng... đều hiện bày. Sau là một kệ nói về Dụ so sánh, chỉ Dụ cho kệ sau: Câu đầu và uy lực là dụ cho câu thứ nhất ở kệ trước, Thể của Tín kiên cố dùng dụ cho Kim Cang, đều ở trong biển Trí bởi vì uy lực của Tín có thể sinh ra; các vật báu đã sinh ra tức là dụ cho Hành-Vị trong câu thứ ba ở kệ trước; câu thứ ba là dụ cho Pháp nhãn thường đầy đủ ở kệ trước.

Đoạn bốn: Từ “Hoặc hữu sát độ...” trở xuống có hai trăm lẻ ba kệ

trình bày về phần Đại Dụng không có giới hạn. Đại Dụng ấy có thể vô biên, là bởi vì đức của Phổ Hiền thuộc về pháp giới vô hạn, rộng khắp tất cả thời gian-nơi chốn. Sơ lược phân rõ về nghiệp dụng của mười môn Tam-muội: 1- Môn Tam-muội thuộc về Hải ấn Viên minh; 2- Môn Tam-muội thuộc về Diệu hạnh Hoa Nghiêm; 3- Môn Tam-muội thuộc về Nhân-đà-la võng; 4- Môn Tam-muội thuộc về Tay đưa ra mở rộng cúng dường; 5- Môn Tam-muội thuộc về Hiện rõ các pháp môn; 6- Môn Tam-muội thuộc về bốn Nhiếp thâm nhiếp chúng sinh; 7- Môn Tam-muội thuộc về Cúi xuống cùng với thế gian; 8- Môn Tam-muội thuộc về ánh sáng nơi mảy lông soi chiếu làm lợi ích; 9- Môn Tam-muội thuộc về Chủ-bạn trang nghiêm đẹp đẽ; 10- Môn Tam-muội thuộc về Tịch-Dụng không bờ bến.

Bởi vì tất cả đều là tâm thuộc về Định, cho nên đều nói là Tam-muội; tác dụng không giống nhau, sơ lược phân rõ về mười loại. Lại môn đầu tiên dựa vào Thể dấy khởi Dụng, môn cuối cùng trình bày về Dụng không khác với Thể, những môn ở giữa đều hiển bày về Diệu Dụng tự tại. Lại mười Tam-muội đều đầy đủ ba loại này.

Nay là phần 1: Có sáu kệ trình bày về Tam-muội Hải ấn Viên minh, văn phân làm hai: Năm kệ trước riêng biệt trình bày về nghiệp dụng rộng khắp, một kệ sau tổng quát kết luận về chỗ dựa của Đại Dụng.

Trong năm kệ trước, có ba: Đầu là ba kệ nói về Phật sự; tiếp là một kệ nói về Tam thừa; sau là một kệ tương tự về những sự việc khác, tổng quát hiển bày về sự hóa hiện của mười pháp giới.

Trong ba kệ đầu: Một kệ đầu là tổng quát trình bày về hiện rõ Phật thuyết pháp. Một kệ tiếp nói về Thể-Dụng tự tại: Câu đầu lựa chọn không phải là hai nghĩa, một là Niệm không có phân biệt, hai là Động không có công dụng; ba câu sau hiển bày đích thực là hai nghĩa, đó là Niệm thuộc về Vô niệm, một niệm khắp nơi mười phương; Công thuộc về Vô công, nhiều môn thâm nhiếp các phẩm. Vầng trăng dụ về bốn nghĩa dựa theo pháp có thể biết. Một kệ sau là kết luận về chỗ dựa của Dụng.

Nghĩa của Hải ấn, xưa tuy giải thích sơ lược mà chưa hết nguồn gốc ấy, nay dùng mười nghĩa để giải thích, mà biểu thị cho Dụng vô tận. Văn sau kinh nói: Như trong nước sạch, hình ảnh bốn loại binh lính cho đến tất cả đều hiện rõ ở trong nước. Lại nói: Biển có pháp đặc biệt hiểm lạ, có thể làm tất cả bình đẳng, phù hợp với chúng sinh, vật báu và nước chảy, tất cả đều bao dung mà không có gì cự tuyệt.

Kinh Đại Tập quyển thứ 14 nói: “Như thân của tất cả chúng sinh ở Diêm-phù-đề, và ngoại sắc khác, những sắc như vậy trong biển đều có hình dạng phù hợp, vì vậy cho nên gọi biển rộng là Ấn; Bồ-tát cũng như vậy, đạt được Tam-muội Đại Hải Ấn, đã có thể phân biệt nhìn thấy tâm hành của tất cả chúng sinh, đối với tất cả pháp môn đều đạt được Tuệ Minh, là bởi vì Bồ-tát đạt được Tam-muội Hải Ấn, nhìn thấy nơi hướng về thuộc tâm hành của tất cả chúng sinh.” Nhưng văn kinh này phần nhiều cùng nhau xuất hiện, mà chỉ xuất hiện ngay nơi cảnh tượng của thế giới hệ (Tứ thiên hạ).

Lại dựa theo Bồ-đề của Phật, kinh Đại Tập chỉ nói đến Diêm-phù-đề là dựa theo Bồ-tát đã đạt được, nhưng đều nhìn thấy nơi hướng về của tâm... là hiểu rõ về căn khí; văn này đã hiện rõ hình dáng-chủng loại là thuận theo căn khí. Hai văn nêu ra lẫn nhau đều là đã hiện bày, tâm Định của Bồ-tát lấy làm năng lực hiện bày.

Nói về mười nghĩa: 1- Nghĩa về không có tâm mà có thể hiện bày, kinh nói: Bởi vì không có công dụng cho nên không có phân biệt. 2- Nghĩa về hiện bày mà không có gì hiện bày, kinh nói: Bởi vì như ánh sáng và hình ảnh. Phẩm Xuất Hiện nói: Hiện bày tâm niệm-căn tánh-dục lạc của tất cả chúng sinh khắp nơi, mà không có gì hiện bày. 3- Nghĩa về chủ động hiện bày cùng với thụ động hiện bày không phải là một. 4- Nghĩa về không phải là khác, kinh nói: Biển rộng có thể hiện bày, bởi vì chủ động-thụ động khác nhau, cho nên không phải là một; bởi vì ngoài nước cầu tìm hình ảnh không thể nào có được, cho nên không phải là khác. Hiện bày về tâm Định này cùng với pháp đã hiện bày, là tướng của tánh cho nên chủ động-thụ động giống nhau, là tánh của tướng cho nên chúng sinh-Ngã không hai. 5- Nghĩa về không có đi-đến, nước không giữ lấy phía trên, vật không dựa vào phía dưới, mà có thể hiển bày rõ ràng; tâm của Tam-muội cũng như vậy, vạn pháp hiện rõ ở tự tâm mà pháp ấy cũng không đến, thân mây bày ra ở pháp giới mà thân ấy chưa hề tạm thời mất đi. Năm nghĩa trên đây cùng với dụ về gương sáng giống nhau trên đại thể. 6- Nghĩa về rộng lớn, kinh nói: Bởi vì rộng khắp mười phương, cho nên tất cả đều bao dung mà không có gì cự tuyệt. Trình bày về tâm Tam-muội rộng khắp pháp giới, thì sắc-tâm của chúng sinh đều là vật trong tâm Định, Dụng rộng khắp pháp giới cũng không lìa xa tâm này. 7- Nghĩa về hiện bày khắp nơi, kinh nói: Bởi vì tất cả đều có thể hiện bày. Phẩm Xuất Hiện nói: Bởi vì Bồ-đề phù hợp với các tâm hành khắp nơi. Nghĩa này khác với nghĩa về rộng lớn, bởi vì nghĩa này dựa theo thụ động hiện bày không lựa chọn

lớn-nhỏ, nghĩa trên dựa theo chủ động hiện bày mà lượng ấy rộng khắp; lại nghĩa này dựa theo thụ động hiện bày mà không có loại nào không hiện bày, nghĩa trên dựa theo chủ động hiện bày mà không có hành nào không tu. 8- Nghĩa về lập tức hiện bày, kinh nói: Bởi vì hiện bày trong một niệm, nghĩa là không có trước-sau, như con dấu in vào lập tức thành tựu. 9- Nghĩa về thường xuyên hiện bày, không phải như gương sáng có lúc hiện bày-có lúc không hiện bày. 10- Nghĩa về không phải hiện bày mà hiện bày, không phải như gương sáng hướng về cảnh mới hiện bày, kinh nói: Bởi vì hiện rõ cảnh tượng của thế giới hệ. Bốn loại binh lính bày ra giữa hư không, hướng về mà có thể hiện bày, cảnh tượng của thế giới hệ không hướng về mà hiện bày, cho nên nói là không phải hiện bày mà hiện bày. Bởi vì không đối đãi, cho nên luôn luôn hiện bày đầy đủ ba đời. Đầy đủ mười nghĩa trên cho nên gọi là Hải Ấn, chư Phật thì cứu cánh mà Bồ-tát chỉ là tương tự.

Hỏi: Trong kinh Nhân Vương thì Tam Hiền cũng không có văn nói về tám tướng, đến Địa thứ nhất mới nói: Còn sinh ra trong một trăm ba ngàn, ngay một lúc thành tựu Chánh giác. Tám tướng này lẽ nào thuộc về Tín môn hay sao? Đáp: Ngay trên đây đã dẫn ra kinh Đại Tập cũng nói: “Bồ-tát ở phần vị Trú Quán Đảnh đạt được thần lực của Phật, nếu Bồ-tát thành tựu những pháp như vậy, thì có thể ở thế giới không có Phật mà thị hiện tám tướng...” Đó là nói đến Trú cuối cùng. Nếu như kinh Chiêm Sát thì dần dần làm Phật, sơ lược có bốn loại. Như thế nào là bốn? Đó là: 1- Tín đầy đủ pháp cho nên làm Phật, đó gọi là dựa vào Chung tánh địa, quyết định Tín các pháp không sinh-không diệt, thanh tịnh bình đẳng, vốn không có thể nguyện cầu. 2- Giải đầy đủ làm Phật. 3- Chứng đầy đủ làm Phật, đó là Tịnh tâm địa. 4- Hành đầy đủ tất cả công đức làm Phật, dựa vào Bồ-tát địa cứu cánh. Luận Khởi Tín dựa vào đây nói Tín thành tựu phát tâm, có thể tám tướng làm Phật. Văn dựa vào rất rõ ràng. Hơn nữa, trong môn Viên dung không dựa vào thứ tự phần vị, mà dựa vào Chung giáo nói Tín đầy đủ thì có thể làm Phật, bởi vì nhân quả vô ngại, dùng môn Nhân để chọn lấy thì thường là Bồ-tát, dùng môn Quả để chọn lấy thì luôn luôn là Phật, hoặc là cùng tồn tại-cùng mất đi tự tại khó nghĩ bàn. Lại sự hóa hiện này không chỉ là một phần vị, dựa vào thế giới thuộc một chủng loại mà có thể thâm nhiếp đầy đủ phần vị của tất cả các địa, rộng khắp thời gian-nơi chốn, cho nên nói là niệm niệm khắp nơi mười phương.

Phần 2: Từ “Nghiêm tịnh...” trở xuống là môn Tam-muội thuộc về Diệu hạnh Hoa Nghiêm, văn có mười câu, sơ lược phân rõ về bảy hạnh:

Sáu câu trước, mỗi câu là một hạnh; câu bảy-câu tám là hạnh thuộc mười Đệ; câu chín là kết luận về tự tại trước đây; câu mười là tổng quát kết luận về chỗ dựa, bởi vì vạn hạnh như Pháp thân Hoa Nghiêm.

Phần 3: Từ “Nhất vi trần trung...” trở xuống có bốn kệ trình bày về môn Tam-muội thuộc về Nhân-đà-la võng, trong đó: Đầu là hai câu nêu ra cảnh của tâm Định, nhưng có hai ý: Một là bởi vì một-nhiều ngay trong nhau cho nên tiến vào một Định có thể thành tựu nhiều Định, bởi vì thành tựu nhiều Định khiến cho trong một trần có tất cả các trần, trong mỗi một trần hiện bày tất cả quốc độ; hai là chỉ khiến cho một trần hiện bày quốc độ, tất cả cũng như vậy, cho nên nói là thành tựu tất cả vi trần Định. Tiếp là hai câu trình bày về tướng không hủy hoại mà hiện bày khắp nơi, cho nên nói là không tăng thêm. Tiếp là hai kệ trình bày về tướng của quốc độ đã hiện bày trong một trần, vô ngại như ngọn lửa, trở lại hiện bày như lưới giăng của Đế Thích. Tiếp là nửa kệ nêu ra một trần ví dụ cho những trần còn lại, cũng có hai ý: Một là ví dụ về đầy đủ trần trong một trần trước đây; hai là ví dụ như một trần tiến vào Định mà thị hiện, những trần còn lại tiến vào Định mà thị hiện cũng như vậy. Sau cuối là hai câu kết luận về nhân của Dụng, tóm lược phân rõ về ba môn: Một là lực của Tam-muội, ở đây giống như trong phần nêu ra. Hai là lực của giải thoát không thể nghĩ bàn, như phẩm Bát Tư Nghị nói: Ở trong một trần hiện bày quốc độ của chư Phật ba đời... Ba là lực của thần thông, nghĩa là thần thông huyền ảo tự tại, đều nói như văn sau.

Phần 4: Từ “Nhược dục...” trở xuống có mười tám kệ trình bày môn Tam-muội thuộc về Tay đưa ra mở rộng cúng dường: Một kệ đầu là tổng quát nêu ra, một kệ sau là tổng quát kết luận, những kệ giữa là riêng biệt hiển bày. Muốn hiển bày về sự vi diệu thù thắng, sơ lược nêu ra một tay làm chỗ dựa cho cúng dường, bởi vì thời gian xưa kia dùng tay nắm vật cúng dường dâng lên Phật-giúp cho người, phù hợp khắp nơi pháp giới, vì vậy khiến cho thật sự phát sinh những vật dụng cúng dường chư Phật, khó mà nghĩ bàn.

Phần 5: Từ “Bồ-tát trú...” trở xuống có tám kệ trình bày môn Tam-muội thuộc về Hiện rõ các pháp môn, phân bốn: Một: Một kệ tổng quát nêu ra nhiều môn. Hai: Có năm kệ riêng biệt hiển bày về hai mươi loại môn cúng dường..., tức là cửa ngõ mở thông tiến vào quả Phật. Ba: Có một kệ rưới kết luận về nhân của nhiều loại, vốn nhờ vào bốn Tất-đàn: Đầu là nửa kệ nói về Đối trị Tất-đàn, tiếp là nửa kệ nói về Thế giới Tất-đàn, tùy theo hành sai biệt tức là Vị nhân Tất-đàn, mà nói thành tựu, nghĩa là Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Bốn: Có nửa kệ kết luận về Dụng

khó suy lường.

Phần 6: từ “Hữu diệu...” trở xuống có mười bảy kệ trình bày môn Tam-muội thuộc về bốn Nhiếp thâm nhiếp chúng sinh, văn phân làm hai: Một kệ đầu là tổng quát nêu ra tên gọi của Dụng; những kệ còn lại là riêng biệt hiển bày. Trong đó phân bốn:

Một có bốn kệ nói về Bồ thí nhiếp: Đầu là một kệ rưới, nói về người mong cầu thọ dụng thì bồ thí những gì họ cần đến. Tiếp là nửa kệ, nói về người mong cầu tự tại thì bồ thí ngôi vị Quốc vương, lại bồ thí ngôi vị này chính là sự bồ thí khó thực hành, bởi vì vốn là điều đáng yêu quý. Tiếp là một kệ, nói về tự mình thực hành Pháp thí. Sau là một kệ, nói về sắc tướng vi diệu làm cho tâm vui thích, là Vô úy thí. Lại hai kệ sau, kệ đầu là tự mình thực hành nghi thức đúng pháp, kệ sau là quần áo trang sức tuyệt vời như thế gian, coi trọng làm cho tâm chúng sinh vui thích tùy theo mong cầu liền ban cho.

Hai có hai kệ nói về Ái ngữ nhiếp: Tất cả Ái ngữ, nghĩa là nói lời an ủi-chỉ bày-chúc mừng-vui thích với lợi ích thù thắng. Nói các loại Phạm âm, tức là tám loại Phạm âm: 1- Âm thanh hay nhất, âm thanh ấy thanh nhã, như chim Ca-lăng-tần-già; 2- Âm thanh dễ hiểu, ngôn từ biện giải rõ ràng; 3- Hải hòa; 4- Êm dịu; 5- Không sai; 6- Không nữ; 7- Tôn quý; 8- Sâu xa. Nói là Câu-chỉ-la, cũng nói là Đô-tra-ca, Trung Hoa nói là Chúng Âm Hòa Hợp, vi diệu thù thắng bậc nhất đều là vật dụng của ái ngữ. Tùy tâm thuyết pháp thuận theo thuộc về kệ sau, tùy thế gian mà thích nghi thuận theo thuộc về kệ trước, bởi vì trong luận Du Già nói tất cả ái ngữ tóm lược có hai loại: 1- Lời nói tùy theo nghi thức phép tắc của thế gian; 2- Lời nói thuận theo Chánh pháp-Chánh giáo. Nay mở bày rõ ràng về tám vạn pháp môn mà Đức Phật thuyết giảng, tức là thuận theo Chánh giáo.

Ba có hai kệ trình bày Đồng sự nhiếp, chúng sinh thấy Bồ-tát hạ mình giống như việc làm của họ, biết là vốn có mục đích làm lợi ích mà tu hành, trong đó: Kệ đầu là tất cả Đồng sự, bởi vì việc làm như tám ngọn gió (Bát phong)... thổi đều giống nhau; kệ sau nghĩa là thực hành Đồng sự, bởi vì nhận chịu những khổ đau mà Đồng sự.

Bốn có tám kệ trình bày về Lợi hành nhiếp, nghĩa là thuyết giảng về hạnh hưởng đến mục đích làm lợi ích, bởi vì lợi ích cho hữu tình, trong đó:

Đầu là hai kệ, tất cả Lợi hành, ở đây có ba loại: 1- Lợi hành đối với lợi ích của pháp hiện tại mà khuyến khích dẫn dắt, nghĩa là khiến cho dùng đức nghiệp dẫn đến giữ lấy tài sản-địa vị, bởi vì lợi ích gần,

cho nên kinh văn lược qua không có. 2- Lợi hành đối với pháp vị lai, nghĩa là khuyến khích bố thí tài sản-địa vị mà xuất gia thanh tịnh, tức là kệ đầu. 3- Lợi hành đối với pháp hiện tại-pháp vị lai, nghĩa là khuyến khích lìa xa ham muốn, tức là kệ sau. Lại một kệ đầu, tức là Lợi hành khó thực hành, ở đây có ba: Một: Không biết xuất ly, tức là ngoại đạo chấp trước lạ lùng; Hai: Không cầu giải thoát, tức là chưa gieo trồng về nhân của thiện; Ba: Hiện tại rời bỏ đất nước-tài sản, dụ dỗ mê say tài sản-địa vị, đối với Lợi hành này thì gọi là khó thực hành.

Tiếp có một câu tức là thấu nhiếp hai Lợi hành: 1- Tức là mười loại Lợi hành thanh tịnh; 2- Khiến cho lìa xa mười ác, tức là đời này-đời khác vui với Lợi hành.

Tiếp có ba câu tức là Lợi hành của bậc Thiện Sĩ, vốn là tâm Từ khuyến nhủ dẫn dắt...

Tiếp có hai kệ tức là Lợi hành như ý mong cầu (Toại cầu), nghĩa là chúng sinh bị vây quanh bởi tám loại ràng buộc (Bát triền), giải thích khuyến nhủ khiến cho lìa xa, cho nên gọi là như ý mong cầu. Kệ đầu tức là chuyển hóa ràng buộc của không có hổ thẹn (Quý), bởi vì cậy vào tuổi thọ kéo dài mà không biết tiến thêm tu tập, không biết thân này chỉ do dâm dục sinh ra, cuối cùng sẽ bại hoại, bởi vì có đủ các phiền não. Kệ sau là giải thích khuyến nhủ chúng sinh bị ràng buộc bởi không có xấu hổ (Tàm), còn lại tóm lược không nói đầy đủ.

Tiếp có hai kệ tức là Lợi hành thuộc về tất cả các loại: Kệ đầu tức là người cần phải nhiếp thọ mà nhiếp thọ, kệ sau tức là người cần phải điều phục mà điều phục...

Sau cuối có một kệ là Lợi hành thuộc về tất cả các môn, nghĩa là không tin tưởng thì khiến cho tin tưởng, cũng là tổng quát kết luận về Lợi hành.

Luận Du Già mở rộng nói về Lợi hành ở trước, tóm lược trình bày Đồng sự ở sau. Ở đây thì trước tóm lược trình bày về Đồng sự, bởi vì trong Lợi hành nếu dùng thực hành để khuyến khích tu tập thì cùng với Ái ngữ gần nhau, nếu tự mình chỉ rõ thực hành thì gần nhau với Đồng sự. Đồng sự tức là Lợi hành, Lợi hành chưa hẳn là Đồng sự, hai pháp này gần với nhau mở rộng-tóm lược làm sáng tỏ lẫn nhau mà thôi. Lại bởi vì tiếp theo những Tam-muội sau, cũng thuộc về Đồng sự.

Phần 7: Từ “Nhã tư...” trở xuống có mười bảy kệ trình bày môn Tam-muội thuộc về Cúi xuống cùng với thế gian, trong đó có ba:

Một: Có sáu kệ nói về thân giống như thế gian làm lợi ích cho chúng sinh, hoặc là Y báo hay là Chánh báo, tất cả đều thị hiện vì chúng

sinh.

Hai: Có sáu kệ nói về thị hiện giống như ngoại đạo cứu giúp tà đảng của họ, năm kệ trước là riêng biệt phân rõ, một kệ sau là tổng quát kết luận, nghĩa nói như phần riêng biệt.

Ba: Từ “Chúng sinh mê hoặc...” trở xuống có năm kệ trình bày về Đại Dụng của ngữ nghiệp: Đầu là một kệ tổng quát trình bày, tiếp là ba kệ riêng biệt hiển bày, sau là một kệ tổng quát kết luận.

Trong ba kệ riêng biệt hiển bày, nói: Hoặc là Biên Chú Ngữ, tiếng Phạn nói là Đạ-t-la-tỷ-trà Man-đạt-la Bát-để-bính. Nói Đạ-t-la-tỷ-trà, là tên gọi của đất nước ở trung tâm Nam Ấn Độ, Trung Hoa nói là Tiêu Dung; Man-đạt-la là Chú, Bát-để-bính là Câu. Nghĩa là bầm tánh của người nước này thuần hậu chất phác, hễ đã phát ra lời nói thì đều trở thành Thần chú, nếu nước láng giềng xâm phạm thì không sử dụng binh lính vũ khí, chỉ dùng lời nói để phá dẹp, kẻ địch tự nhiên tan tác, cho nên nói là Tiêu Dung Chú Câu. Hoặc nói là: Chỉ có Đồng nam-Đồng nữ mới có thể nói thành câu chú, người khác thì không có thể. Lại nữa, Thiên Mật Ngữ..., luận Bà-sa quyển thứ 79 nói: “Đức Thế Tôn có lúc vì bốn Thiên Vương, dùng Thánh ngữ để thuyết giảng về Tứ Đế, trong bốn vị Thiên Vương có hai vị hiểu rõ ràng, hai vị không thể nào hiểu được. Đức Thế Tôn thương xót, cho nên dùng ngôn ngữ bình thường của đất nước ở vùng Nam Ấn Độ để thuyết giảng về Tứ Đế, trong hai vị Thiên Vương có một vị hiểu được, một vị không hiểu được. Đức Thế Tôn thương xót, cho nên lại dùng ngôn ngữ của một loại Miệt-lệ-xa để thuyết giảng về Tứ Thánh Đế, lúc ấy bốn Thiên Vương đều được hiểu rõ ràng.” Khéo léo phá đổ người khác, là bởi vì Nhân Minh-Tỷ Lượng..., vốn là Chân pháp có thể phá dẹp. Không phải ngoại đạo làm cho lay động, là bởi vì Chân pháp có thể thiết lập, cho nên không bị người khác phá đổ.

Sau là một kệ tương tự kết luận, không những thuyết giảng về Tứ Đế, mà Lục Độ vạn hạnh... cũng đều như vậy, một tâm thuyết pháp đạt được Thật tánh của ngữ, có thể dấy khởi về Dụng tùy theo chủng loại, gọi là lực của Tam-muội.

(Từ đây trở xuống là quyển thứ 15 trong kinh).

Phần 8: Từ “Hữu thắng Tam-muội...” trở xuống có tám mươi chín kệ rưỡi trình bày môn Tam-muội thuộc về ánh sáng nơi mảy lông soi chiếu làm lợi ích, Trí phù hợp với môn giải thoát, Từ xông ướp cho nghiệp thân-ngữ-ý, cho nên đạt được thân giống như pháp giới, Đại Dụng không có bến bờ, mảy lông phát ra ánh sáng chiếu vào chúng sinh làm

lợi ích cho vạn loại, rộng khắp thời gian-nơi chốn, người có duyên thì hội tụ, đó gọi là Bồ-tát kiến lập chúng sinh trọn vẹn. Văn phân làm năm: Một: Có một kệ nêu ra môn tổng quát phân rõ; Hai: Từ “Sở phóng quang minh...” trở xuống là riêng biệt trình bày về nghiệp dụng của ánh sáng ở một mảy lông; Ba: Từ “Như nhất mao...” trở xuống là tương tự hiển bày về nghiệp dụng của ánh sáng ở tất cả mảy lông; Bốn: Từ “Như kỳ bốn hạnh...” trở xuống là giải thích về phạm vi giới hạn thành tựu; Năm: Từ “Nhược hữu văn...” trở xuống là nghe và tin vào lợi ích của ánh sáng.

Nay là mục một, có một kệ ngay nơi thuyết giảng mà lợi ích cho nên gọi là an lạc.

Ngay trong mục hai, có hai: Đầu là sơ lược phân rõ về Dụng của ánh sáng thuộc bốn mươi bốn môn; sau từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng.

Đầu là trong bốn mươi bốn ánh sáng đều có bốn nghĩa: Một là nêu ra tên gọi của ánh sáng; hai là phân rõ về Dụng của ánh sáng; ba là đưa ra nhân của ánh sáng; bốn là kết luận về quả của ánh sáng. Tương tự ví dụ thuận theo nhau phân làm mười đoạn-năm cặp: 1- Có hai ánh sáng, biểu hiện rõ ràng về Tam Bảo. 2- Có bốn ánh sáng, khiến cho phát khởi Đại tâm. Hai đoạn trên tức là Tam Bảo và Tứ Hoằng làm một cặp. 3- Có hai ánh sáng, tổng hợp tròn vẹn Phước-Trí. 4- Có hai ánh sáng, tiến vào Lý-thọ trì Pháp. Hai đoạn trên tức là Nhị Nghiêm-Nhị Trì làm một cặp. 5- Có sáu ánh sáng, tròn vẹn về hạnh thuộc Lục Độ. 6- Có bảy ánh sáng, thâm nhiếp cứu giúp thuộc Tứ Đẳng. Hai đoạn trên tức là Lục Độ-Tứ Đẳng làm một cặp. 7- Có một ánh sáng, tổng quát làm sáng tỏ về Tam Học. 8- Có tám ánh sáng, xen lẫn làm sáng tỏ về vạn hạnh lấy cúng dường làm trước hết. Hai đoạn trên tức là Tam Học-Vạn Hạnh làm một cặp. 9- Có sáu ánh sáng, khiến cho sáu căn bên trong Tĩnh-Động cùng với Lý thông hiểu. 10- Có sáu ánh sáng, trình bày về sáu trần bên ngoài thanh tịnh-xúc cảnh đều là đạo. Hai đoạn trên tức là Căn Thanh-Cảnh Tĩnh làm một cặp.

Nay là đoạn 1: trong hai ánh sáng: Trước là một ánh sáng hiển bày rõ ràng, trong đó câu đầu nêu ra tên gọi, bởi vì gần với ban đầu nêu ra, cho nên chỉ nói là đã phát ra chứ không nói là lại phát ra; tiếp là ba câu phân rõ về Dụng. Sau trong kệ phân rõ về nhân, nêu ra Tam Bảo khiến cho đích thực trở về, nêu ra Chánh Đạo khiến cho đích thực hướng về. Trên đây là bao gồm Nhất Thể và Biệt Tướng Tam Bảo. Cũng nêu ra tháp Phật, khiến cho đích thực tin tưởng, nghĩa gồm đủ Trú Trì Tam

Bảo. Sau là Dụng của một ánh sáng soi chiếu rực rỡ, có bảy câu, một kệ phân rõ về nhân đều hiển bày có thể biết.

Trong đoạn 2: có bốn ánh sáng, khiến cho phát khởi Đại tâm, tức là bốn Hoằng nguyện: Một: Một ánh sáng khiến cho Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, trong nhân phát khởi hữu vi mà hủy hoại hữu vi. Hai: Một ánh sáng khiến cho Phiền não vô biên thế nguyện đoạn, trong nhân phát khởi hữu vi mà ca ngợi Thiền định. Hai loại trên đều là Sự-Lý tu tập đầy đủ. Ba: Hưởng lên trên vui mừng với quả Phật. Bốn: Yêu quý vui với Tam Bảo cùng tận pháp môn. Bởi vì cuối cùng của bốn Hoằng nguyện trong nhân, cho nên tổng quát kết luận nói là cho đến nêu rõ hạnh thuộc về công đức của phát tâm.

Đoạn 3: Có hai ánh sáng, tổng hợp tròn vẹn Phước-Trí: Trí trong nhân phân biệt về tướng của pháp, quyết đoán rõ ràng Chân lý không có thiếu sót về Lý-Sự, không giảm bớt pháp của Phật, cho nên đạt được một niệm hiểu rõ tất cả nhiều môn.

Đoạn 4: Có hai ánh sáng, tiến vào Lý-thọ trì Pháp: Đầu là một ánh sáng thuộc về Tuệ tiến vào hai Không, tức là Nghĩa Trì; sau là một ánh sáng đầy đủ bốn Tổng trì, đối với pháp tự tại.

Đoạn 5: Có sáu ánh sáng, tròn vẹn về hạnh thuộc Lục Độ: Giới trong nhân nói là phát Đại tâm, nghĩa là nếu phát tâm Nhị thừa thì phá hủy tịnh giới, Đại tâm dẫn dắt khéo léo không thuộc về trời-người, chịu khó thúc đẩy vạn hạnh thì Tuệ là đứng đầu, đều thêm một kệ, còn lại có thể suy nghĩ.

Đoạn 6: Có bảy ánh sáng, thâm nhiếp cứu giúp thuộc Tứ Đẳng: Một-Một ánh sáng về Từ ban cho Tuệ của Phật thuộc về niềm vui đích thực nhìn thấy vô lượng chư Phật, ở đây có hai nghĩa: 1- Nhìn thấy Phật thuộc về Sự, niềm vui đích thực vốn là nhân; 2- Nhìn thấy Phật thuộc về Tâm, mỗi một đóa hoa tâm vốn có tánh Giác. Hai-Ba ánh sáng về Bi trừ diệt khổ đau: Đầu là một ánh sáng về khổ của ách nạn, tiếp là một ánh sáng về khổ của tật bệnh, sau là một ánh sáng về khổ của cái chết. Khiến cho người được thấy Phật, một là xả mạng không sợ hãi, hai là ác đạo không run sợ. Lại khuyên nhủ người sắp lâm chung, Trí Luận quyển thứ 28 nói: “Lâm chung ít thời gian, có thể hơn hẳn năng lực thực hành suốt đời, bởi vì mạnh mẽ vô cùng, như ngọn lửa-như chất độc. Theo pháp của Tây Vực, có người sắp xả mạng thì khiến họ xoay mặt hướng về Tây, ở trước mặt đặt một pho tượng đứng, cũng xoay mặt hướng về Tây, lấy đầu lá phướn treo vào ngón tay pho tượng, để tay người bệnh nắm lấy chân lá phướn, miệng xưng niệm danh hiệu Phật,

thể hiện ý nguyện theo Phật vãng sinh Tịnh độ, cùng với đốt hương-đánh khánh hỗ trợ xưng niệm danh hiệu Phật. Nếu có thể thực hành như vậy, không dứt khoát là người mất được sinh ở trước Phật, mà cuối cùng cũng được thấy ánh sáng của Phật.” Ba: Hai ánh sáng khiến cho phát sinh pháp Hỷ: Ánh sáng đầu thì vui với pháp mà lắng nghe thuyết giảng, pháp Hỷ đã đầy đủ; ánh sáng sau thì tiếp xúc với cảnh, tất cả đều Phật pháp, đạt được pháp Hỷ cao nhất. Bốn: Một ánh sáng khiến cho thành tựu Đại Xả, trừ bỏ gốc rễ phóng dật của các phiền não.

Đoạn 7: Có một ánh sáng, tổng quát làm sáng tỏ về vạn hạnh, Tam Học thâm nhiếp toàn bộ, cho nên nói là nghe tất cả (Phổ văn).

Đoạn 8: Có tám ánh sáng, xen lẫn làm sáng tỏ về vạn hạnh lấy cúng dường làm trước hết: Năm ánh sáng trước là nói về nguyên cơ cung kính cúng dường, ba ánh sáng sau là nói về ruộng Bi (Bi điền) bố thí.

Đoạn 9: Có sáu ánh sáng, khiến cho sáu căn bên trong Tịnh-Động cùng với Lý thông hiểu.

Đoạn 10: Có sáu ánh sáng, trình bày về sáu trần bên ngoài thanh tịnh-tiếp xúc với cảnh đều là đạo. Văn đều có thể biết.

Sau từ “Như thị đẳng tử...” trở xuống là kết luận tóm lược-hiển bày mở rộng, Dụng của một mảy lông mà ánh sáng có vô lượng vô biên (Trần sa).

Mục ba: Từ “Như nhất mao...” trở xuống là tương tự hiển bày về nghiệp dụng của ánh sáng ở tất cả mảy lông, và kết luận về chỗ dựa của Dụng, gọi là Lực của Tam-muội.

Mục bốn: Từ “Như kỳ bốn hạnh...” trở xuống là giải thích về phạm vi giới hạn thành tựu: Những ánh sáng như vậy, nay sao không thấy? Nghĩa là có duyên thì thấy rõ như mắt nhìn thấy ánh sáng, không có duyên thì không biết gì bởi vì đui mù thường tối tăm. Trong đó phân hai: Một kệ đầu tổng quát trình bày, như Bốn hạnh ấy là nhắc lại về nhân trước kia; đã đạt được ánh sáng là nhắc lại về Dụng của quả trước đây; nếu người có duyên xưa kia và người đã từng cùng nhau thực hành, thì tùy theo đó mà nhìn thấy sai biệt như vậy. Sáu kệ sau riêng biệt hiển bày, trong đó: Hai kệ đầu là Pháp thuyết, bốn kệ sau là Dụng thuyết.

Trong hai kệ đầu là Pháp thuyết: Kệ trước nói về duyên xưa kia, xưa kia có bốn duyên: 1- Xưa cùng chung việc làm; 2- Yêu thích công hạnh ấy; 3- Luôn luôn vui vẻ thuận theo; 4- Chỉ thấy những việc đã làm. Kệ sau nói về nhân hiện tại, không cần phải có duyên nhưng công hạnh bên trong nổi bật, ánh sáng liền soi rõ, có ba loại nhân: 1- Tu tạo

nhiều phước; 2- Cùng dưỡng nhiều Đức Phật; 3- Mong cầu quả Phật, tức là Phước-Trí trang nghiêm. Bảy loại trên đây đều được ánh sáng chiếu rọi.

Trong bốn kệ sau là Dụ thuyết: Cùng trình bày hai Dụ về thấy và không thấy, đều có Pháp-Hợp. Đầu là Dụ về mặt trời mọc lên, dụ cho ánh sáng làm nhân của lợi ích, trong Hợp nói là mặt trời giáo pháp luôn luôn sáng tỏ, người có trí tuệ thì tâm không trú vào pháp, như người có mắt thì tự mình có thể nhìn thấy. Có ba loại người không có thể nhìn thấy, bởi vì nhân và duyên đều không có, như người không có mắt: 1- Phàm phu ngu dốt; 2- Ngoại đạo tà tín; 3- Nhị thừa kém hiểu biết. Sau là Dụ về vật báu trang nghiêm, dụ cho lợi ích đích thực của ánh sáng, trình bày về vật báu giáo pháp luôn luôn tồn tại, dựa vào có phước hay không có phước, có nơi chốn hay không nơi chốn.

Mục năm: Từ “Nhược hữu văn...” trở xuống có một kệ trình bày về nghe và tin vào lợi ích của ánh sáng, nghĩa là tin tưởng ngưỡng mộ-hiểu biết rõ ràng, không sinh lòng nghi hoặc thì thành tựu quả Phật, không vì không nhìn thấy mà nghi ngờ Bồ-tát không có ánh sáng, không vì đau khổ quá mức không ai cứu giúp mà cho rằng ánh sáng không có lợi ích, cũng không suy xét cao xa về Dụng của quả mà cho rằng Bồ-tát không có năng lực, cho nên nói là vĩnh viễn đoạn trừ những nghi ngờ.

Phần 9: Từ “Hữu thắng Tam-muội...” trở xuống có sáu kệ trình bày môn Tam-muội thuộc về Chủ-bạn trang nghiêm đẹp đẽ, cũng là Tam-muội Xuất hiện, văn phân ba mục riêng biệt: Một-Có một kệ nêu ra môn-hiển bày về ý. Hai-Có bốn kệ trình bày về nghiệp dụng ở một phương, trong đó: Ba kệ đầu là Pháp thuyết; một kệ sau là Dụ-Hợp, đã nói số lượng đều là ba ngàn, thì không làm hỏng thứ tự, mà kém so với Thập Địa và Đẳng giác. Ba-Có một kệ tương tự hiển bày về mười phương.

Phần 10: Từ “Hữu thắng Tam-muội danh Phương Vãng...” trở xuống có ba mươi bốn kệ rưỡi, trình bày môn Tam-muội thuộc về Tịch-Dụng không bờ bến, dựa theo nơi chốn gọi là Phương Vãng, dựa theo tướng thì gọi là Tịch-Dụng, cũng tổng quát hiển bày về Động-Tịch không hai đã nói trên đây, văn phân làm ba: Một: Có một kệ nêu ra tên gọi, tổng quát phân rõ về mười phương đan xen nhau vào ra ngang dọc, cho nên gọi là Vãng (lưới giăng). Hai: Từ “Hoặc ư...” trở xuống có ba mươi hai kệ rưỡi chính thức hiển bày về nghiệp dụng. Ba: Từ “Thị danh...” trở xuống có một kệ tổng quát kết luận về khó nghĩ bàn.

Ngay trong phần hai là nghiệp dụng, phân ba: 1: Có hai kệ, đan

xen nhau vào ra khắp nơi mười phương, trình bày về tự tại đối với Khí thế gian. 2: Có năm kệ, ở trú xứ của chư Phật mười phương vào ra không ngăn ngại, trình bày về tự tại đối với Trí chánh giác thế gian. 3: Từ “U nhân căn...” trở xuống có hai mươi lăm kệ rưỡi, bao gồm hiển bày về tự tại đối với ba thế gian.

Bồ-tát tự tại đối với ba thế gian, sơ lược có hai nghĩa: a: Dùng tự thân làm ba thế gian, cho nên đạt được tự tại; b: Bồ-tát thị hiện tự tại đối với khắp nơi ba thế gian. Nay ba đoạn này, hai đoạn đầu dựa theo nghĩa sau, một đoạn sau bao gồm hai nghĩa, vẫn có thể tô điểm lẫn nhau mà Lý thật thì đều đầy đủ.

Hai thế gian đầu, tóm lược có bốn lớp vô ngại: Một: Dựa theo Xứ, nghĩa là ở phương Đông tức là ở phương Tây, vì thế cho nên Bồ-tát thường xuyên ở phương Đông mà luôn luôn ở phương Tây. Hai: Dựa theo Phật, nghĩa là Phật ở phương Đông tức là Phật ở phương Tây, vì thế cho nên Phật ở phương Đông luôn luôn là Phật ở phương Tây. Ba: Dựa theo thân Bồ-tát không phân ra, nghĩa là thân ở phương Đông tức là thân ở phương Tây. Bốn: Dựa theo Định, nghĩa là Nhập Định tức là Xuất Định. Vì sao như vậy? Sơ lược hiển bày về hai nguyên nhân: 1: Bởi vì pháp thụ động quán sát, Sự tùy theo Lý dung thông, cho nên tồn tại ngay trong nhau; 2: Bởi vì tâm chủ động quán sát, cũng Tịch-Dụng vô ngại. Nhưng trong văn này, bởi vì hiển bày về đức bí mật ẩn hiển tự tại của Bồ-tát, cho nên chỉ nói đến hai lớp sau. Nếu phân rõ hai lớp trước, thì tựa như Bồ-tát không có năng lực.

Mục 3: từ “U nhân căn...” trở xuống có hai mươi lăm kệ rưỡi, bao gồm hiển bày về tự tại đối với ba thế gian, văn phân làm bốn: Một: Trình bày Căn-Cảnh trái ngược nhau để phân rõ về tự tại; hai: Từ “Đồng tử...” trở xuống là trình bày về tự tại đối với thân khác; ba: Từ “Quỷ thân...” trở xuống là trình bày về tự tại vi tế; bốn: Từ “Nhất thiết trần...” trở xuống là trong Sự của Khí giới mà phân rõ về tự tại.

Mục một: Có mười hai kệ-sáu cặp, trong mỗi một cặp có mười nghĩa-năm cặp về tướng Vô ngại. Muốn phân rõ về Vô ngại, thì trước phải hiểu biết rõ ràng về Định-Tuệ. Trong này nói Tam-muội Khởi là Quán, Nhập Chánh Thọ là Định. Định-Tuệ tuy nhiều mà không ra ngoài hai loại, một là Sự, hai là Lý. Hạn định ở một nơi thì không có việc gì không làm được, là Định môn thuộc về Sự; tánh của tâm chủ động quán sát phù hợp với Lý không thay đổi, là Định môn thuộc về Lý. Thấu triệt rõ ràng Pháp tướng là quán sát về Sự, khéo léo hiểu rõ Vô sinh là quán sát về Lý.

Trong các kinh-luận có lúc chỉ nói đến Định thuộc về Sự, có lúc chỉ trình bày Định thuộc về Lý; hai Quán cũng như vậy, có lúc Thể-Tướng, Sự-Lý, Chỉ-Quán đối lập với nhau. Có lúc dùng quán sát về Sự đối với Định thuộc về Lý, như luận Khởi Tín, ngăn lại tất cả các tướng cho đến tâm không thể đạt được làm Chỉ, mà quán sát nhân duyên sinh diệt làm Quán. Có lúc dùng quán sát về Lý đối với Định thuộc về Sự, văn sau kinh nói: Nhất tâm không lay động tiến vào các Thiền, hiểu rõ cảnh Vô sinh gọi là Bát-nhã. Có lúc bao gồm cả hai, như văn sau nói: Thiền định giữ lấy tâm luôn luôn cùng một duyên, Trí tuệ hiểu rõ cảnh giống như Tam-muội. Có lúc phai mờ cả hai, không phải Định-không phải Quán. Có lúc Định ngay nơi Quán mà chỉ gọi là Định, như quán sát tâm tánh gọi là Thượng Định. Có lúc Quán ngay nơi Định mà chỉ gọi là Quán, như dùng Trí vô phân biệt để quán sát gọi là Bát-nhã. Có lúc nói đến vận dụng cả hai, nghĩa là soi chiếu ngay nơi vắng lặng. Vì lẽ đó, kiến giải hạn chế thì tùy theo chú ý vào một văn, không gạt bỏ lẫn nhau; tu tập thiên lệch thì tùy theo tiến vào một môn, đều có hạn định về chứng đắc, nhưng không thông suốt tròn vẹn, nay văn kinh này khéo léo hiển bày về Vô ngại.

Nói về năm cặp: Cặp thứ nhất nói đến Căn-Cảnh vô ngại, nghĩa là quán sát về Căn tiến vào Định thì phải thuận theo Căn rời ra, mà thuận theo Cảnh rời ra là bởi vì hiển bày về Căn-Cảnh chỉ là một tâm, duyên khởi không hai, lý tánh dung thông, vì thế cho nên Căn tiến vào-Cảnh rời ra mà thôi; Cảnh tiến vào-Căn rời ra cũng như vậy. Cặp thứ hai nói đến Định thuộc về Lý-Sự vô ngại, nghĩa là phân biệt về tướng của Sự thì phải tiến vào Định thuộc về Sự, mà lại tiến vào Định thuộc về Lý; muốn quán sát về tánh Không thì phải tiến vào Định thuộc về Lý, mà lại tiến vào Định thuộc về Sự. Bởi vì phù hợp với Lý ngay nơi Sự mà không thay đổi, cho nên tiến vào Lý tức là tiến vào Sự; điều khiển tâm là Sự ngay nơi Lý mà cùng một duyên, cho nên tiến vào Sự tức là tiến vào Lý. Nhưng mà văn kinh chỉ nói là tiến vào Chánh Định, chứ không nói đến Lý-Sự và rời khỏi quán, trong Cảnh thì nói phân biệt Sắc tướng là quán sát về Sự, trong Căn thì nói tánh Không Tịch là quán sát về Lý; cũng kết hợp lấy Sự thuộc về Căn đối với Lý thuộc về Cảnh, để phân rõ về Vô ngại. Cặp thứ ba nói đến Quán thuộc về Lý-Sự vô ngại, nghĩa là muốn phân biệt về tướng của Sự thì phải khởi lên thuận theo Quán thuộc về Sự, mà trái lại khởi lên thuận theo Quán thuộc về Lý, bởi vì Cảnh quán sát đã là Chân-Tục cùng dung thông, pháp giới vốn không hai, cho nên Trí phân biệt về Sự tức là Trí thuộc Vô sinh, hai Quán chỉ

là một tâm; cũng thuận theo lấy Sự-Lý thuộc về Cảnh đối với Sự-Lý thuộc về Căn, để phân rõ về Vô ngại. Cặp thứ tư nói đến Xuất-Nhập vô ngại, bởi vì rời khỏi Định tức là tiến vào Định, rời khỏi Định mà tâm không tán loạn. Nếu dùng Sự-Lý hướng về với nhau, thì phải làm thành bốn câu phân biệt, đó là tiến vào Sự-rời khỏi Sự, tiến vào Sự-rời khỏi Lý... Nếu dùng Căn-Cảnh hướng về với nhau, thì lại làm thành bốn câu phân biệt, đó là tiến vào Sự thuộc về Căn-rời khỏi Sự thuộc về Cảnh..., mỗi một câu suy nghĩ đều có những nguyên cơ. Cặp thứ năm nói đến Thể-Dụng thuộc Tự lợi-Lợi tha vô ngại, nghĩa là ở nơi Nhãn căn khởi lên tâm Định không tán loạn là Thể, là Tự lợi; nhưng mà không trở ngại hiện rõ nơi Trần cảnh là Dụng, trời-người không thể nào nhận biết là Lợi tha. Bởi vì Thể-Dụng không hai, cho nên Tự lợi tức là Lợi tha.

Mười nghĩa trên đây, cùng làm duyên khởi của một tụ pháp giới tự tại ngay trong nhau, Bồ-tát khéo léo đạt được tác dụng vô ngại, hãy suy nghĩ và cố gắng suy nghĩ!

Vả lại, kinh tạm thời dựa theo Căn-Cảnh đối lập với nhau, cũng thuận theo Cảnh và Cảnh đối lập với nhau, nghĩa là Sắc trần tiến vào Chánh Thọ (Tam-muội), Thanh-Hương rời khỏi Tam-muội..., điều này như trong phần tiến vào Chánh Định... trong thân Đồng tử ở văn sau trình bày. Lại thuận theo Căn và Căn đối lập với nhau, nghĩa là Nhãn căn tiến vào Chánh Thọ, Nhĩ căn rời khỏi Tam-muội...; một Trần tiến vào Chánh Thọ, nhiều Căn rời khỏi Tam-muội..., đều lược qua cho nên không nói đến. Nghĩa về Vô ngại trên đây sâu xa vi diệu khó nghĩ bàn, những người mới học sẽ tiến vào như thế nào? Nay sẽ tổng quát kết luận, chỉ có thể nhận biết Sự-Lý vô ngại, Căn-Cảnh nhất như, không nảy sinh ý niệm phân biệt thì tự nhiên sẽ tiến vào. Lại từ trước đến nay nói về Sắc tánh khó nghĩ bàn..., tức là Tổng trì như Sắc..., là Sắc thuộc về Đà-la-ni tự tại của Phật..., cũng thuận theo nói là phân biệt Nhãn tánh khó nghĩ bàn, có Nhãn thuộc về Đà-la-ni tự tại của Phật... Lại trong Nhãn nói về tánh Không tịch diệt, tức là Độ môn của Nhãn, Nhãn... vốn thanh tịnh, cũng thuận theo nói là Độ môn như Sắc..., Sắc... vốn thanh tịnh, không chỉ giữ lấy tướng làm nhiệm-không có tâm làm tịnh mà thôi. Lại trong Trí Luận dùng ba Quán để tóm gọn, phân biệt Sắc tướng..., là Giả quán; tánh Không tịch diệt, là Không quán; hai Quán này không hai, Sắc tánh khó nghĩ bàn, là Trung quán; ba Quán không có trước-sau, đều là một tâm. Đối với ba Quán này cần phải phân rõ về ba Chỉ, đó là Chỉ thuộc về phương tiện tùy duyên, Chỉ thuộc về Thể chân thật, Chỉ thuộc về lìa xa phân biệt hai bên. Chỉ-Quán đã cùng vận dụng, cũng gọi

là một tâm ba Chỉ. Ngay nơi một mà ba, ngay nơi ba mà một, cùng soi chiếu ba-một, cùng ngăn chặn ba-một, đều là vô ngại. Mỗi một văn giải thích, dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Đây là công đức viên dung của Bồ-tát, mà tự trang nghiêm cho mình, nhìn thấy cảnh trước mắt thường vận dụng thực hành, tâm mong muốn hưởng về sâu xa, mong rằng để ý!

Mục hai: Từ “Đồng tử...” trở xuống có sáu kệ rưỡi, trình bày về đạt được tự tại đối với thân khác, ở đây có ba nghĩa: 1: Như Nhãn căn tiến vào... trước đây, chỉ dựa theo cảnh nhìn thấy là tiến vào-rời ra mà thôi; 2: Bồ-tát hóa hiện thân ấy, làm cho thân này chuyển biến nhanh chóng; 3: Bồ-tát dùng thân chúng sinh làm thân của mình, như mười thân tác thành lẫn nhau... ở văn sau. Vì vậy, tiến vào nơi thân ấy, rời ra ở thân này, mà thân ấy không nhận biết, chỉ thuận theo người được hóa độ nhận biết mình được hóa độ.

Mục ba: Từ “Quỷ thân...” trở xuống có hai kệ rưỡi, trình bày về tự tại vi tế, nghĩa là lỗ chân lông dựa theo Chánh báo, tức là Phật và chúng sinh; đầu mảy lông dựa theo nơi chốn rỗng rang (Không xứ); vi trần là sắc tướng, phần nhiều dựa theo Khí giới. Đều là thân ở trong nhập Định-xuất Định, bởi vì hiển bày về Tam-muội thuần thực, ẩn hiện tự tại; cũng bao gồm quán sát thân ấy tiến vào Định-rời khỏi Định..., tức là đối với cảnh vô ngại. Nếu chỉ dựa theo thân ở trong mười Định sau đó, thì cũng nói là tiến vào-rời ra trong pháp Vô sinh, lẽ nào có nơi chốn hay sao?

Mục bốn: Từ “Nhất thiết trần...” trở xuống có bốn kệ rưỡi, trình bày về tiến vào-rời ra khắp nơi trong Sự của Khí giới. Nhưng thân của Bồ-tát rộng khắp, tóm lược có bốn phần vị: 1: Rộng khắp tất cả vô biên quốc độ trong mười phương; 2: Khắp nơi trong mọi vật như cây cối... trong quốc độ ấy; 3: Khắp nơi trong tất cả vi trần-mảy lông..., đều khắp nơi tròn vẹn chứ không phải khắp nơi từng phần, vì vậy đều hiển bày rõ ràng toàn thân; 4: Bởi vì là thân pháp giới, cho nên không khác nhau-không phân biệt, luôn luôn ở nơi này mà thường có ở nơi kia, không có gì trước-sau.

Phần ba: Từ “Thị danh...” trở xuống có một kệ tổng quát kết luận về khó nghĩ bàn: Câu đầu là dùng đức để chỉ dạy cho người, câu tiếp là dựa vào người để hiển bày về đức, nửa kệ sau là trình bày về thuyết giảng không hết được, gần thì kết luận về Dụng vô tận của Định thứ mười, xa thì kết luận về Đại Dụng vô tận của mười Định trước đây, bởi vì đều là pháp môn vô tận.

Đoạn năm: Từ “Nhất thiết Như Lai...” trở xuống là phần Ví dụ so

sánh về ý nghĩa sâu xa, cũng gọi là phần Nêu ra yếu kém để hiển bày về thù thắng, bởi vì trên đây đã nói về đức thuộc hạnh Phổ Hiền, cùng tận cảnh giới của Phật. Đại khái là phần vị của Tín đầy đủ, đã vượt qua lệ thường, trái với giới hạn nghe-nhìn, vướng vào tình-che kín giáo, không biết từ đâu mà dẫn đến Tín, cho nên nêu ra sự việc gần gũi này, dùng làm gương soi hướng về sâu xa khiến cho tỏ ngộ thông suốt. Có bảy mươi chín kệ, phân làm ba mục: Một: Có hai kệ tổng quát nêu ra ý của Dụ; hai: Có bảy mươi sáu kệ riêng biệt hiển bày về tướng của Dụ; ba: Có một kệ kết luận thuyết giảng hiển bày về đức.

Mục một: Trước là một kệ rưỡi, trình bày về không phải ví dụ mà có thể ví dụ; sau là nửa kệ dựa vào ví dụ để thông suốt sâu xa.

Trước là một kệ rưỡi, nêu ra bốn loại khó nghĩ bàn, ý thuộc về thần lực của Bồ-tát, phần Quyết Trạch trong luận Du Già có sáu loại không thể nghĩ bàn, đó là: 1-Ngã; 2-Hữu tình; 3-Thế gian; 4-Nghiệp quả của hữu tình; 5-Cảnh giới Tĩnh lực của những người tu Tĩnh lực; 6-Cảnh giới chư Phật của chư Phật Thế Tôn. Nay chúng sinh hàm chứa ba loại trước, cộng thêm sự biến hóa của loài rồng cho nên có bốn. Thần lực của Bồ-tát, ngay nơi Tĩnh lực là cảnh giới. Bản kinh cũ và bản tiếng Phạn, đều nói là lực dụng của Thiền định. Nhưng nghiệp báo của chúng sinh có bốn nhân khó nghĩ bàn, đó là Xứ sở sai biệt, Sự sai biệt, Nhân sai biệt và Quả dị thực sai biệt; các loài rồng biến hóa không đầy khởi tâm niệm, sáu trời cõi Dục ở bốn châu cuộn mây tuôn mưa không giống nhau, cho nên khó nghĩ bàn. Tự tại của Phật có năm loại khó nghĩ bàn, đó là Chân Như rất sâu xa, Chuyển biến tự tại, Chứng được cảnh giới vô lậu, Vô chướng ngại và Thành lập hữu tình mà làm việc; thần lực của Bồ-tát nhờ vào ba loại tướng, trừ ra hai loại sau của Phật. Dem văn kinh này phân ra năm loại giống như Phật, bởi vì đều vượt lên trên ngôn từ-suy nghĩ, cho nên không thể nào ví dụ như nhau.

Trong nửa kệ sau, như vậy chọn lấy ví dụ từng phần, dùng Tiểu ví dụ cho Đại, khiến cho người nghe ví dụ quên đi cảnh mà hiểu được ý, ca ngợi theo người Trí.

Mục hai: Từ “Thanh văn...” là trong phần riêng biệt phân rõ, sơ lược hiển bày về hai mươi loại ví dụ về Đại, để so với đức của Bồ-tát.

1: Có ba kệ rưỡi, trình bày Dụ về Thanh văn hiện thần thông, dụ cho đức của Bồ-tát tự tại làm lợi ích chúng sinh: Trước là trình bày về Dụ, cuối kệ nêu ra yếu kém để hiển bày thù thắng, không vì chúng sinh cho nên không có Đại Bi, không cầu Bồ-đề cho nên không có Đại Trí, lợi ích thêm to lớn là đầy đủ Bi-Trí.

2: Có hai kệ, Dụ về mặt trời-mặt trăng hiện rõ hình ảnh, dụ cho đức của Bồ-tát ứng với tất cả căn cơ chúng sinh.

3: Có hai kệ, Dụ về bốn loại binh lính hiện rõ trên mặt nước, dụ cho đức của Bồ-tát hiện rõ cảnh tượng phù hợp như biển rộng.

4: Có hai kệ, Dụ về âm thanh tốt lành khéo léo phân rõ, dụ cho đức của Bồ-tát tổng trì khéo léo thuyết giảng.

5: Có hai kệ, Dụ về biện tài của người nữ trao truyền, dụ cho đức của Bồ-tát trao truyền giáo pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

6: Từ “Thí như huyễn sư...” trở xuống có hai kệ, Dụ về pháp thuật khéo léo của huyễn sư, dụ cho đức của giải thoát không thể nghĩ bàn.

7: Có hai kệ, Dụ về Tu-la ẩn hình, dụ cho đức của thần thông thù thắng ẩn-hiện.

8: Có năm kệ, Dụ về voi chúa tùy ý biến hóa, dụ cho đức của Định-Dụng tự tại.

9: Có hai kệ, Dụ về thân to lớn của Tu-la, dụ cho đức của thân mây pháp giới, giống như Chủ-bạn trang nghiêm đẹp đẽ ở văn trước.

10: Có bốn kệ, Dụ về Đế Thích phá trừ oán địch, dụ cho đức hàng phục quân ma.

11: Từ “Đạo Lợi thiên...” trở xuống có sáu kệ, Dụ về trống cõi trời thuyết pháp, dụ cho đức của Bồ-tát không hề dụng công mà hiện thân thuyết pháp.

12: Có ba kệ, Dụ về trống cõi trời an ủi, dụ cho đức của Bồ-tát dùng âm thanh Từ Bi trừ hết phiền não.

13: Có ba kệ, Dụ về Thiên Vương ứng hiện khắp nơi, dụ cho đức ứng với khắp nơi làm vui lòng căn cơ.

14: Có hai kệ, Dụ về ma trói buộc người ngu, dụ cho đức thâm nhiếp chúng sinh cùng nhau thực hành.

15: Có hai kệ, Dụ về Phạm Vương hiện bày khác nhau, dụ cho đức giải thoát tự tại của Bồ-tát.

16: Từ “Ma-hê...” trở xuống có hai kệ, Dụ về nhiều giọt tự tại, dụ cho đức của Bồ-tát trong một niệm nhận biết tất cả.

17: Có ba kệ, Dụ về gió lớn thành tựu sự việc, dụ cho đức của Đại Nguyện vốn có thành tựu.

18: Có hai kệ, Dụ về nhiều âm thanh làm vừa ý, dụ cho đức của bốn biện tài làm vui lòng căn cơ.

19: Có hai kệ, Dụ về biển rộng bao hàm tất cả, dụ cho đức của Thiên định tu tập tất cả.

20: Từ “Đại hải Long vương...” trở xuống có hai mươi bốn kệ rưỡi,

Dụ về Long vương dạo chơi, dụ cho đức du hý thần thông của Bồ-tát, văn phân làm hai: Đầu là hai mươi hai kệ rưỡi, trình bày về Đại Dụng của Long vương không giống nhau; sau là hai kệ chính thức trình bày về nêu ra yếu kém để hiển bày thù thắng.

Trong phần đầu là hai mươi hai kệ rưỡi: Nửa kệ trước tổng quát nêu ra; hai mươi hai kệ còn lại riêng biệt hiển bày, trong đó có bốn: 1: Có bốn kệ rưỡi nói về sắc mây không giống nhau, dụ cho thân mây của Bồ-tát đều khác nhau. 2: Có bốn kệ nói về ánh chớp sai biệt, dụ cho ánh sáng của Bồ-tát đều khác nhau. Kệ thứ ba nói Bảo Tạng Sắc, tiếng Phạn nói là Thất-lợi Yết-sa, Trung Hoa nói là Thắng Tạng, Thắng Tạng tức là tên gọi của vật báu; màu sắc Đế Thanh trong cõi Diêm-phù-đề, tiếng Phạn nói là màu sắc Thiên Đế Hỏa Diệm Ma Ni, cũng là tên gọi của ngọc châu quý báu. 3: Có ba kệ rưỡi nói về tiếng sấm không giống nhau, dụ cho Tam-muội của Bồ-tát có nhiều loại. 4: Có mười kệ nói về mưa không như nhau, dụ cho Bồ-tát thuyết pháp có nhiều môn. Nói là Man-đà-la, Trung Hoa nói là Duyệt Ý, Trạch Hương tức là Đồ Hương. Kê-la Đa-ma, Kê-la ở Trung Hoa nói là Hoa Nhụy (Nhụy hoa), Đa-ma ở Trung Hoa nói là Thiên Thượng Hoa (Hoa cõi trời), hương thơm này vốn là từ nhụy hoa của cõi trời mà phát ra. Bà-lợi Sư-ca, Trung Hoa nói là Vũ Thời Sinh Hoa (Hoa nảy sinh vào mùa mưa), Mạt-lợi hương tức là tên gọi của hoa, màu sắc giống như vàng ròng.

Phần sau từ “N hư thị vô lượng...” trở xuống là hai kệ chính thức nêu ra yếu kém để hiển bày thù thắng, nghĩa là Long vương Sa-kiệt ở toàn bộ mười lăm nơi chốn thuộc sáu tầng trời cõi Dục..., hiện bày tác dụng này, mà thân không hề lay động-tâm không có gì phân biệt, sự hiện bày tự tại này chỉ do lực của nghiệp báo; Bồ-tát cũng như vậy, trú trong cảnh giới không còn dụng công-không lay động-không suy nghĩ, ứng hiện nhiều loại ở mười phương thế giới, cũng dùng lực công đức của Bồ-tát tùy theo căn cơ nhìn thấy khác nhau. Đây là dựa vào ý Dụ để hiển bày về thù thắng, có thể biết.

Mục ba: Từ “Bỉ chư...” trở xuống có một kệ kết luận thuyết giảng hiển bày về đức khó nghĩ bàn: Nửa kệ trước là không phải ví dụ mà có thể ví dụ, nửa kệ sau là kết luận về tóm lược thuyết giảng trên đây. Dẫn ra các ví dụ, sơ lược có hai ý: 1- Hiển bày về đức tự tại của Bồ-tát không giống nhau; 2- Chủ yếu là khiến cho chúng sinh phát khởi niềm tin. Ví như người Giang Nam không tin chiếc lều vải chứa được ngàn người, người Hà Bắc phần nhiều nghi ngờ chiếc thuyền chở được vạn Hộc, đều do hiểu biết không đến mà thôi. Vì lẽ đó, hoặc là đưa ra sự

việc nhìn thấy tận mắt, hoặc là dựa vào người có đủ ràng buộc, Dụng của Bồ-tát tự tại như vậy, hẳn nhiên là không có gì nghi hoặc, nay hãy còn nghi ngờ thì lẽ nào không tổn hại hay sao?

Phần 3: Từ “Đệ nhất trí tuệ...” trở xuống có chín kệ, nói về phần so sánh để khuyến khích duy trì, Đại Dụng rộng lớn này tất cả mọi người đều có phần, thấy mà không luyện tập thì quả thật là tự khinh dễ mình, cho nên giữa mọi người có thể khuyến khích mà tiến lên. Trong đó phân hai:

Một: Có một kệ kết luận về những gì đã nói trước đây, sơ lược dựa vào sáu Tuệ để kết luận: 1- Bậc nhất, là cao nhất mà không thêm gì nữa; 2- Rộng lớn, là nói đến phần lượng ấy mà vượt lên trên Nhị thừa; 3- Chân thật, là trình bày về Thể tánh ấy mà Nội chứng không hề trống rỗng; 4- Vô biên thì có hai nghĩa, một là Lượng trí mà nhận biết tất cả, hai là lìa xa các loại thuộc về hai bên, tức là Tuệ thuộc Trung Đạo; 5- Hơn hẳn, là vượt lên trên địa vị; 6- Thù thắng, là giống như Phổ Hiền.

Hai: Từ “Thử pháp...” trở xuống có tám kệ, trình bày về tin nhận khó đạt được, trong đó: Một kệ đầu là tổng quát hiển bày, bảy kệ còn lại là riêng biệt trình bày.

Trong một kệ đầu: Hiếm có, là Phật xuất hiện từ lâu xa đã khó có thể gặp được, nhưng bắt đầu thành tựu liền thuyết giảng vốn là hiếm có. Hiếm thấy nghĩa là bắt đầu có thể đầy đủ về sau, đặc biệt nghĩa là vượt xa các Thừa. Câu này là ca ngợi, văn sau là khuyến khích mà thôi. Nghe nghĩa là gặp được kinh pháp, thừa nhận thích hợp nghĩa là nhân của niềm tin, tin tưởng thì tâm thanh tịnh. Tiếp nhận nghĩa là tiếp thu văn từ-hiểu được ý nghĩa. Ca ngợi chính là bao gồm lời nói-bao gồm viết chép. Thuyết giảng chỉ dựa theo lời nói. Trên đây đều là những việc làm, tổng quát nói là đều khó.

Trong bảy kệ sau là riêng biệt trình bày, có ba: Một: Có hai kệ rưỡi trình bày về khó tin; Hai: Có nửa kệ so sánh đưa ra những hạnh khác; Ba: Có bốn kệ nêu ra sự việc để so sánh.

Một: Trong hai kệ rưỡi: Một kệ đầu trình bày về căn khí của trời- người tin tưởng là rất khó, nếu như vậy thì nay hoặc là có thể tin tưởng do đâu, nhờ vào hai lực: Một là hiện tại tu phước thanh tịnh xứng với điều đã mong cầu, hai là xưa kia nhờ vào nghe mà huân tập đến nay phát ra chủng tử. Nay người không tin thì mong lắng nghe một chút, vì chất độc xoa trên mặt trống, đến cuối cùng trở thành chủng tử kiên cố. Một kệ rưỡi sau nêu ra niềm tin của Tam thừa, lần lượt chuyển tiếp khó đạt được hướng hồ đối với Nhất thừa, văn trình bày rõ ràng, Quyền-

Thật có chứng cứ.

Hai: Có nửa kệ so sánh đưa ra những hạnh khác: Tin nhận hãy còn khó, huống hồ đầy đủ những hạnh khác, là khó của trong khó. Hiểu biết chân thật, cũng có thuyết giảng-thực hành mà không tin vào ý nghĩa viên dung, thì không phải là hiểu biết chân thật. Mong những người học khéo léo chọn lấy sự hiểu biết!

Ba: Có bốn kệ nêu ra sự việc để so sánh: Ba kệ đầu so sánh về khó tin, hai kệ trước nêu ra hai điều khó để so sánh về Tín là khó, một kệ sau nêu ra phước thù thắng để làm sáng tỏ về Tín thù thắng. Một kệ sau cuối là so sánh về điều khó của những hạnh khác, chỉ trình bày về tụng trì, còn lại lược qua không nói đến, cũng hiển bày về tu hành, hiểu biết chân thật thì không phải là có thể so sánh. Bốn sự việc này, những sự việc sau vượt qua những sự việc trước, khéo léo biện giải về sâu xa thù thắng.

Phần ba: Từ “Thời Phổ Hiền...” trở xuống là phần hiển bày đích thực để chứng minh thành tựu, trong đó có bốn: 1- Thế giới rung động, bởi vì Đại cơ phát khởi; 2- Che kín cung điện của ma, bởi vì chỉ có cảnh Phật; 3- Ngừng đường ác, bởi vì lợi lạc vô cùng; 4- Phật hiện ra chứng minh, bởi vì phù hợp với tâm của Phật. Trong đó, xoa trên đỉnh đầu-khen ngợi khéo léo-tùy hỷ, tức là ba nghiệp đều chứng minh, khuyến khích chúng sinh tin tưởng thực hành. Hội thứ hai, xong.

